

THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU
CHỦ-NHIỆM: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|---|----------------|
| — Cuộc cải cách giáo-dục ở Pháp | VŨ ĐÌNH HÒE |
| — Nói chuyện thơ nhân quyền
« Thi nhân Việt - nam 1931-
1942 » | DIỆU ANH |
| — Chiếc gạch-nối giữa họ và tên
người | TẢO TRĂNG |
| — Lược khảo tiểu-thuyết Tàu | TRẦN VĂN GIÁP |
| — Những hình ảnh trong văn thơ
Pháp và Việt-nam | VŨ BỘI LIÊU |
| — Tư tưởng ngẫu nhiên | ĐÌNH GIA TRINH |
| — Mấy điều cần biết về thể lệ
trước-bạ các văn tự của người
Nam | PHẠM GIA KÍNH |
| — Cái đẹp trong tranh | TÔ NGỌC VÂN |
| — Nhất dao (truyện dịch) | LÊ HUY VÂN |
| — Eo biển Dardanelles và miền đầu
hỏa Caucase | V. H. |
| — Đọc sách mới | L. H. V. |

Phần I — Những nguyên tắc

NỀN giáo-dục ở Pháp từ thế-kỷ thứ 16 cho đến gần đây là một nền « giáo-dục vi học-thuật » chủ ở việc chau dồi tri-thức, mà ta đã có dịp xét những điều lỗi lớn lao (2).

Trước cuộc chiến-tranh hiện thời, từ đầu thế-kỷ này, vấn-đề giáo-dục đã làm lo nghĩ nhiều kẻ thức-giả trong giáo-giới cùng những nhà viết báo và làm chính-trị. Nhưng những cuộc công kích kịch liệt chỉ mới gây một vài việc cải cách dẹt dẹt và nhỏ nhặt nó lại càng làm nguy hiểm thêm một nền giáo-dục đã nguy hiểm sẵn.

Những điều lỗi của nền giáo-dục đó có thể gồm trong ba điểm chính sau này :

1-) Trước hết nó tôn trọng quyền cá-nhân một cách quá đáng. Ta có thể hiểu được một phong-trào giáo-dục ở thời Phục-hưng, mục đích là giải thoát tinh-thần ra ngoài vòng chuyên chế của Trung cổ. Nhưng từ sự độc lập tinh-thần đến chủ-nghĩa cá-nhân, người ta đã đi một bước quá khích không đo lường những hiểm nghèo.

Năm 1934, Thống-chế Pétain trong một bài diễn văn ở bữa tiệc hàng năm của tạp-chi « Tân cựu thế giới » đã tha thiết giải nỗi lo-âu trước sự suy vi của tinh-thần quốc-gia gây bởi « một nền giáo-dục chỉ theo đuổi mục-đích duy nhất là mở mang cá-nhân được coi như một cứu cánh tuyệt đối », trong khi các nước Ý, Đức Nga đã dùng giáo-dục làm một lợi-khí để phụng-sự Đoàn-thể và tổ-chức một nền giáo-dục có tinh-cách vô bị.

« Phải theo một chính sách giáo-dục mà lý-tưởng là phụng-sự tổ quốc và phương pháp là

(1) Bài này đáng lẽ đáng nổi từ lâu vào tập bài khảo cứu : « giáo-dục thanh niên và nền sơ học ở nước ngoài » trong các số T. N. từ Aoút đến novembre 1941. Song vì không đủ tài liệu. nên phải hoãn đến bây giờ mới viết được, nhờ một ít tài liệu góp nhặt đây đó. Tuy nhiên năm tài liệu đó cũng sơ sài và thiếu thốn lắm, nên bài này không tránh khỏi nhiều chỗ mơ hồ. Mấy lời thanh minh, xin các bạn đọc lượng xét.

(2) T. N. số 16 : « Một nền giáo-dục bị lung lay. »

CUỘC CẢI CÁCH GIÁO-DỤC Ở PHÁP

VŨ ĐÌNH HÒE

Ta đã có dịp xét nền học chuyên nghiệp ở Đức và đã thấy sự quan trọng đặc biệt mà đảng Quốc xã đã đặt vào nền học đó. Mỗi năm có một kỳ thi vĩ đại về nghề nghiệp cho khắp cả nước tặn cùng vào hôm 1er Mai, ngày hội quốc gia lao-động, bằng một cuộc phát thưởng long trọng và cuộc di diễu của những người trúng giải trước mặt Tổng thống (1).

Cả nền học ở Nga sây trên vấn-đề cần lao và phương pháp là hòa hợp khoa - học với kỹ thuật và biến thể kỹ-thuật theo muôn hình trạng của cần lao (polytechniser l'école). Trong trường có những xưởng nghề-nghiệp để học-tò tập những công việc về sắt gỗ, có những vườn thí nghiệm để tập việc giồng giọt, Sau đó chúng sang học tập ở một xưởng máy. Sáp nhập vào bọn thợ, chúng lần lần qua các xưởng khác nhau để nhận xét sự biến hóa vật liệu thành những chế-phẩm (2).

Công cuộc khẩn cấp mà Quốc-trưởng Pétain bắt đầu làm ngay sau khi lên cầm quyền chính là việc sây lại nền giáo-dục : « Không có việc nào quan trọng hơn — lời Quốc-trưởng — trong những công việc mà chính-phủ có trách-nhiệm phải làm. »

Những nguyên tắc của cuộc cải cách giáo-dục, Thống-chế Pétain đã tuyên bố trong một bài viết ở tạp-chi : « Tân cựu thế giới » ra ngày 15 aoút 1940.

1-) Trước hết chủ-nghĩa cá-nhân phải tiêu diệt. Không thể coi cá-nhân như một thực-thể và có giá-trị tuyệt đối.

« Thực ra, cá-nhân chỉ tồn tại vì có gia-đình, xã-hội tổ-quốc... Vả lại ta cứ nghiệm rằng những thời mà chủ-nghĩa cá-nhân bành trướng là những thời được thấy rất ít cá-nhân có bản

(1) Xem Thanh-Nghị số septembre 1941.

(2) Xem Thanh-nghị số octobre 1941.

lĩnh : Chính ta vừa phải chịu một bài học đau đôn về việc đó.

Chủ-nghĩa cá-nhân không liên lạc gì với sự tôn trọng nhân quyền mà nó đã dùng để nấp bóng.

Giáo-dục từ nay phải dạy, cùng với sự tôn trọng nhân quyền, sự tôn trọng gia-đình, xã-hội và tổ-quốc. Nó không có vin vào thái-độ trung-lập của Học-thuật. Đời sống không biết sự trung lập. . . »

Giáo-dục sẽ là một nền giáo-dục quốc-gia : Phụng-sự Tổ-quốc là lý-tưởng thiêng-liêng và duy nhất của mọi người.

2-) Nền giáo-dục của ta — lời T. c. Pétain — đã sây trên một ảo vọng : ta cứ tưởng hễ mở mang tri-thức là rèn luyện được đức-tính và chí-khi...

Lòng người không phải tự nhiên đi tới điều thiện ; ý-lực người ta, không phải tự nhiên đi tới sự cương-quyết, kiên tâm và can đảm. Đó là kết quả của một cuộc tu luyện mãnh-liệt và nghiêm khắc. »

Thanh-niên phải tìm lẽ sống trong sự hoạt-động cố gắng để phụng-sự. Vậy giáo-dục phải rèn luyện những năng lực hoạt-động, rèn luyện tinh-khí, rèn luyện tâm hồn của thanh-niên. Tri dục, đức dục và cả thể-dục đều phải soay vào chiều ấy. « Thể-thao nếu thực hành vô độ và chỉ có mục-đích thể-thao, có thể gây sự nghèo nàn cho tâm hồn. »

3-) « Ta sẽ nết sức phá đổ cái uy-thể ác hại của một nền học thuật giả dối hoàn toàn theo sách, chỉ gây sự uơng lười và những hành động vô ích cho đời. »

Ta sẽ giúp sự hợp tác giữa các nhà bác học kỹ nghệ và, không làm giảm giá nền cao học, ta sẽ cố hướng dẫn theo một chiều hợp với thực tế hơn việc đào luyện những kỹ-sư, y sĩ, quan tòa và cả những giáo sư nữa.

Ở bậc tiểu-học, chương-trình sẽ tước bỏ hết những thứ chỉ có tính cách lý thuyết và phổ-thông bách khoa. Trái lại, những khoa thủ-công sẽ chiếm một phần lớn.

Các giáo viên ở bậc tiểu-học cần phải nhận rõ — và in sâu ý đó vào óc con trẻ — rằng biết dùng một khi-cụ cũng không kém về cao quý và

(Xem trang sau)

không kém lợi cả về phương diện tinh thần bằng biết dùng cán bút, và am hiểu một nghề còn hơn chỉ biết sơ sài về mọi sự vật.»

Xem thế thì những nguyên tắc cải cách giáo-dục mà Quốc-trưởng Pétain đã tuyên bố là những nguyên tắc của một nền « Giáo-dục vì nhân-sinh » mà lý-do là phụng-sự Đạo sống và mục-dịch là rèn luyện cá-nhân để Sống mạnh-mẽ, đời sống vật-chất, tinh-thần và tâm hồn một cách có lợi cho mình và cho Đoàn-thể. Khoa giáo-dục đó ta đã xét ở một số trước. (1)

..

Phần II — Sự tổ-chức giáo-dục

Khi mục-dịch giáo-dục đã là rèn cặp thanh-niên để sống mạnh mẽ và phụng-sự một lý-lưỡng: Quốc gia, thì giáo-dục từ nay có chức vụ huấn luyện thanh-niên không những ở trường học mà còn ở ngoài học đường.

Những tổ-chức thanh-niên xưa kia rời rạc và do sáng kiến của tư nhân từ nay xếp đặt theo cùng một thống hệ và đặt dưới quyền quản lĩn hoặc giám sát của chính-phủ,

Bộ giáo-dục và Thanh-niên nay trông coi cả việc học lẫn những tổ-chức thanh-niên : cả hai công cuộc đó hòa hợp với nhau để xây dựng một nền giáo-dục quốc-gia.

Những tổ-chức thanh-niên, những hoạt-dộng và vấn-đề có liên-can đến thanh-niên đều gồm lại dưới quyền quản đốc của một trưởng vụ đứng đầu Thanh-niên tổng vụ (secrétariat général de la jeunesse).

Trong bộ giáo-dục đặt riêng một chức gọi là Tổng vụ-viên Thể-thao và Giáo-dục toàn-thể (Comminaire général aux Sports et à l'Éducation générale) Thanh-niên ở học-đường phải thu nhận được một số dự-trữ sức khỏe và sức hoạt-dộng cần cho đời sống, cùng rèn luyện tâm hồn để hành sự cho hợp đạo. Chương trình học đó thuộc về phần giáo-dục toàn-thể vì nó rèn cá-nhân về đủ phương-diện : vật chất, tinh-thần và tâm hồn. Chương-trình giáo-dục toàn thể gồm có : thể-dục và thể-thao, vệ-sinh thực hành thủ-công, các môn dạy sống ngoài giờ và sự thực hành trong các trại thanh-niên, các lối rèn cặp óc đoàn thể trong các hội thể-thao hay tập thể. Có những nhân-viên chuyên hẳn về việc giáo-dục do ; có những thầy thuốc để khám và giữ gìn sức khỏe ; có những kỹ thi riêng để xét kết quả của học-trò.

1 Xem Thanh-Nghị số 17.

Vì giáo-dục từ nay có tính cách quốc gia nên chính phủ trung ương tức là Bộ trưởng và các vụ-trưởng trong bộ giáo-dục và thanh-niên, hành động theo mệnh lệnh của Quốc-trưởng, có toàn quyền đề điều khiển và kiểm soát những cơ-quan giáo-dục, những tổ-chức thanh-niên, cùng những nhân-viên thừa hành chức-vụ và các giáo-viên. Từ nay nếu không bị thủ tiêu thì cũng giảm đi nhiều lắm quyền lực của chính-phủ địa-phương và những cơ-quan thiết lập do sự đề cử.

Hội-đồng tiểu-học hàng quận là những hội-đồng có rất nhiều quyền trong việc quản trị các trường, thi hành kỷ-luật và các vấn-đề sự phạm (cho phép mở hoặc bãi tất cả những lớp và những trường hàng xã, định đoạt việc thăng cấp các giáo-viên và các hình phạt về kỷ-luật...), những hội-đồng đó xưa kia vẫn gồm có, bên cạnh ông quận trưởng cùng 5 nhân-viên chính-phủ, 4 nhân-viên do hội-đồng hành chính hàng quận đề cử và 4 giáo-viên đại-biểu những nghiệp-đoàn của họ. Từ nay, 4 người trên không còn nữa và 4 người dưới sẽ do ông Tổng-trưởng bộ giáo-dục lựa chọn. Người ta muốn tránh những sự hoạt-dộng chính-trị cùng những ảnh hưởng địa phương trong các cơ-quan giáo-dục.

Cùng một ý đó, những nhân-viên cao cấp từ bậc thanh-tra tiểu-học trở lên đều không được vào các hội có tính cách nghiệp-đoàn,

Cùng một ý đó, những ủy-ban tiểu-học đã bị bãi. Những ủy-ban tiểu học do các giáo-viên đề cử, ngày xưa hợp tác trong việc chuyển giao-viên với các ông quận-trưởng và thanh-tra học-vụ,

Chính-phủ thẳng tay trừng trị, (bãi dịch và chuyển chuyển) những giáo-viên bất tuân thượng lệnh và hành động trái với kỷ-luật hoặc phạm lỗi đối với gia-đình và tổ-quốc, chủ ý là giữ ở trong học-giới một không khí giáo-dục tinh khiết, không bị biến thể vì những ảnh hưởng chính-trị và những xu hướng không chính thức.

(Xem tiếp trang 30)

TIN MỪNG

Được tin bạn Ngụy như Kontum vừa đính hôn với cô Nguyễn thị Đỗ con ông bà Nguyễn đình Phong, giáo sư trường Trung-học bảo hộ. Xin có mời trân trọng mừng bạn Kohtum. — T. N.

NÓI CHUYỆN THƠ' NHÂN QUYỀN

«THI-NHÂN VIỆT-NAM 1932-1941»

DIỆU ANH

MỘT quyền sách in đẹp, bìa do họa sĩ Nguyễn đồ Cung trình bày đã xuất bản năm nay, nhan đề « *Thi nhân Việt-Nam 1932-1941* ». Tác giả là hai ông Hoài-Thanh và Hoài-Chấn. Một quyền sách sưu tập các bài thơ mà tác giả (2 tác giả) ưa của những thi gia Việt-Nam viết trong khoảng từ năm 1932 đến 1941. Tại sao lại đi từ năm 1932 ? Vì ngày 10 Mars 1932, trong tờ Phụ-Nữ Tân-Văn số 122, ông Phan Khôi với bài thơ « *Tinh giả* » (rất ngộ nghĩnh !) đã « trình giữa làng thơ » một lối « thơ mới », và từ ngày ấy khởi cuộc cách mệnh về thi ca. Bao nhiêu nhà thơ Việt-Nam cố gắng tạo tác, và trong khoảng mười năm sự sản xuất thơ có thể gọi là rất phong phú. Sự sản xuất ấy phong phú thực, nhưng trong bao nhiêu kẻ cầm bút làm thơ ấy có bao nhiêu thiên tài, có bao nhiêu tài năng sẽ bắt tử ? Chưa có sự lùi xa trong thời gian khiến ta giả nhời chắc chắn được. Vả lại các nhà làm thơ trong khoảng mười năm gần đây đã cho ta biết hết sự phát triển hoàn mỹ của tài năng họ đâu. Phần nhiều họ là thanh niên, chỉ có một số ít người đứng tuổi. Nhưng căn cứ ở những thi phẩm đã có của họ mà xét, và bằng vào một chân lý của lịch sử nghệ thuật, thì ta có thể nói với hai ông H. T. và H. C. rằng trong đám đông người làm thơ ấy « *may mắn ra 4 người sẽ có tên lưu truyền hậu thế* » (Tại sao lại 4 ? vì dễ tiện nói, nhân 40 người có thơ trích trong quyền Thi nhân Việt-Nam). Về thể kỷ thứ 19, ở Pháp, khi phái Thi-Son (Le Parnasse — Mượn chữ dịch của hai tác giả cuốn T.N.V.N.) thành lập có ít nhất là 100 nhà thơ đua nhau sáng tác trong phạm vi trường thơ ấy, mà còn lưu danh lại hậu thế chỉ có vài ba người trong đó ta kể Leconte de Lisle.

Duyên cớ sự các tác phẩm thi ca đua nhau xuất bản trong những năm gần đây là bởi sự mới mẻ của một quan niệm nghệ thuật, hấp dẫn người ta như mọi cái mới ở đời (bao nhiêu kẻ nhân dịp thay cũ đổi mới, những căn cứ

của nghệ thuật mới chưa vững chãi, muốn nhẩy lên dài danh vọng của văn chương). Lại còn một cớ khác nữa : những thanh niên chịu ảnh hưởng thi văn của Tây phương đã hứng đón được ít nhiều tinh cảm lãng mạn nó tới khua giầy cái căn bản lãng mạn vẫn có ở lòng họ, vẫn tiềm tàng ở tâm hồn thanh niên trong bất cứ thời đại nào. Những nhớ mong, yêu đương, những niềm buồn, vui, phức tạp hơn xưa, nhân dịp những luật lệ cũ bó buộc về thi ca được nói rộng theo chiều tự do và phóng túng hơn, nên đua nhau biểu lộ, và tác phẩm về thơ đua nhau ra đời. Xét ở văn chương ngoại quốc, cuộc cách mệnh nào về thi ca cũng gây một phong trào sáng tác hấp tấp và tha thiết như vậy.

Trên kia tôi có ý dùng chữ « nhà làm thơ » thay cho chữ thi-sĩ hoặc thi-nhân khi nói đến tác giả các tập thơ xuất bản trong khoảng 1932-1941. Là vì làm thơ không phải tất nhiên là thi-sĩ. Người ta đã nói nhiều về vấn đề « thợ thơ » (versificateurs) với thi-sĩ (poètes). Vì vậy nên nhan đề cuốn sách sưu tập của hai ông H. T. và H. C. là « Thi nhân Việt Nam » thì có lẽ không được đi h đáng lắm. Thi-sĩ, thi-nhân là người có cốt cách thơ, có thực tài trong nghệ. Riêng hai chữ « thi-nhân » mang ý nghĩa một hồn thơ đắm vào người, lặn với người là một, là dịch cái nghĩa hoàn toàn của chữ *poète* trong tiếng Pháp. Theo nghĩa ấy người ta bảo Goethe là thi-nhân trong các tác phẩm văn xuôi của ông, và Pascal, Rousseau, Chateaubriand là thi-nhân tuy những tác-giả này chỉ chuyên viết văn xuôi (Lẽ tất nhiên những nhà làm thơ có tài phải là thi-nhân). Nhưng nếu sưu tập thi ca của các tác giả một thời mà không muốn định quả quyết về thi tài của họ thì thích tưởng nên nhan đề cuốn sách là « *Thơ Việt-Nam* » hoặc, theo ý mấy bạn tác giả Xuân Thu Nhã Tập, gọi cuốn sách là « *Thi gia Việt-Nam* » thì có lẽ phải hơn (Xem Thanh Nghị số 1er Mai 1942).

Vì trong cuốn Thi-nhân Việt-Nam có hơn 40 người có thơ trích, nhưng trong số đó bao nhiêu tài năng chênh lệch và khác nhau ! Có những tên chẳng gọi trong trí người ta chút kỷ ức nào cả, có những nhà thơ vô tài, tác giả một vài bài thơ gọi là tạm đọc xuôi mà cũng có tên, có tiểu sử, và có cả ảnh nữa trong tập sách ! Nhưng hai ông Hoài Thanh và Hoài Chân đã khéo giả nhời trước những lời trách của chúng ta. « *Tôi muốn ghi hết vui buồn của thời đại* », đó là chủ ý tác giả cuốn T. N. V. N. Nghĩa là tác giả theo sở thích của mình, trích in những bài thơ đã làm tác giả rung động lúc tác giả đọc, không quan tâm quá đáng đến giá trị nghệ thuật của các thi phẩm, chú trọng hơn là để hiển độc giả hình ảnh của những vui buồn một thời qua thi văn của thời ấy. Kể ra thì tác giả một cuốn sách như của hai ông H. T. và H. C. chỉ có thể đứng vào phương diện chủ quan ấy là hợp lẽ thôi, vì các nhà thơ nói đến đều còn sống với chúng ta. Chỉ cần tác giả đổi cái đầu đề cuốn sách đi, để khỏi khiến độc giả tưởng rằng hơn 40 người có thơ trích trong quyển ấy đều là thi-nhân cả, và bất cứ một ai có thơ trích trong quyển ấy đều tự hào là thi-nhân.

Quyển sách của hai ông Hoài-Thanh và Hoài-Chân khởi đầu bằng một phần khảo luận về « *Một thời đại trong thi ca* » viết rất công phu. Tác giả theo rồi sự biến hóa của các quan niệm về thi ca từ năm 1932 tới đây, tả cho ta rõ cuộc cách mệnh lớn về thơ Việt-Nam từ năm 1932 và những kết quả của cuộc cách mệnh ấy. Theo tác giả thì cái mầm thơ mới đã ươm từ ngày nước ta tiếp xúc với Tây-phương ; cuộc cách mệnh về thơ chỉ là sự biểu lộ dĩ nhiên của một trạng thái tinh thần mới chịu ảnh hưởng của tư tưởng và tính tình Tây-phương. Thời vận thơ Đường luật đã suy vì vào hồi 1928, 1929. Năm 1932 bắt đầu thời kỳ hoạt động của thơ mới, thời kỳ tranh đấu. Người ta diễn thuyết tán dương thơ mới, hai phái thơ mới và thơ cũ tranh luận để lấy phần thắng. Trong khi ấy một số nghệ sĩ làm việc, đem hiến cho làng thơ mới những bài có giá trị. Tới năm 1936 thì « *Sự toàn thắng của thơ mới đã rõ rệt* », và từ đó giờ đi « *thơ mới đã dành được quyền sống* ».

Trong 10 năm qua, tác giả cuốn T. N. V. N. nhận thấy 3 giọng thơ « *đi song song* » : dòng Pháp, dòng Đường và dòng Việt. Dòng Pháp gồm có các thi-sĩ chịu ảnh hưởng rõ rệt của

Tây-phương, từ tính tình, tư tưởng, cho đến thi pháp (tuy nhà thi sĩ vẫn diễn đạt những cảm xúc, những ý nghĩ của mình). Dòng này có mấy đại biểu đáng đề ta chú ý : Xuân Diệu, Huy Cận, (Thế Lữ một ít). Quay lại với thơ Đường trong hồn thơ lẫn cả về thể thơ, có một nhóm thi gia mà người đại biểu có điểm phức nhất là Quách Tấn, tác giả « *Mùa cỏ diên* ». Họ thuộc về dòng Đường. Những nhà thơ ít chịu ảnh hưởng Tây-phương và không chịu ảnh hưởng thơ Đường, thuộc về dòng Việt, trong đó có Lưu Trọng Lư và một số thi gia khác nữa. (Lưu Trọng Lư xưa đã chê Xuân Diệu là « *tây* » quá và tự hào diễn được tinh thần Việt-Nam trong thơ). Sau khi xét những khuynh hướng trong nghệ thuật thơ cận đại, tác giả nhận rằng sự biến đổi trong thi pháp Việt-Nam và trong những rung động của nhà thơ là một sự đáng mừng, vì « *thể thơ cũng như toàn thể xã-hội Á-Đông, muốn mưu lấy sinh tồn, không li thì nhiều, cũng phải thay hình đổi dạng* ». Sự thay đổi ấy (thay đổi hình thể và cả nội chất nữa) diễn ra trong nhiều hoạt động tinh thần phức tạp, nhưng có một điều ta đáng chú ý đến nhất là chữ « *tôi* » đã thay cho chữ « *ta* » trong thi văn. Chữ « *tôi* » mang theo với nó một quan niệm chưa từng có ở xứ này quan niệm cá nhân ». Chữ « *ta* » tuy cũng là một lối xưng hô của một cá nhân, nhưng « *nó có thể chỉ chung nhiều người* ». Nó là cá nhân xưng hô trong khuôn một đoàn thể. Ngày xưa « *người ta phải cầu cứu đoàn thể để tron có đơn* » Ngày nay bản ngã của cá nhân phôi dãi tự do và táo bạo trong thơ. Phương Tây đã « *giao trả hồn ta lại cho ta* », nhưng ta kinh hoàng nhận thấy ta thiếu một lòng tin ngưỡng, và những cảm giác chơ vơ, những cảm giác cô độc, vì vậy chiếm một phần quan trọng trong thi hứng. Hai ông Hoài Thanh và Hoài Chân đã viết về điểm đó những trang thực có giá trị.

Nói gì nữa về thơ mới ? Quyển « *Thi nhân Việt-Nam 1932-1941* » chẳng đã hiển độc giả nhiều nhận xét có ích về vấn đề ấy rồi ư ? Nếu có một số nhà thơ bị bỏ quên thì trái lại những nhà thơ có liếng đều có thơ trích in trong cuốn sách. Trong các nhà thơ có tên ghi, có thơ trích trong quyển T. N. V. N., ta nhận rằng có những tài năng sừng sừng. Có thể bảo không hổ với danh hiệu thi-sĩ những nhà thơ như Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Thông, Huy Cận, Chế lan Viên, Quách Tấn... Nhưng những nhà

thơ nghệ thuật còn non nớt hay chẳng hứa hẹn gì mấy cũng chiếm một số không nhỏ : hoặc cái thi hứng của họ chỉ sôi nổi một thời rồi cạn vì chưa thiếu một học vấn rộng và sâu nó đem đồ ăn bồi bổ cho tâm hồn, nó khơi cho lưu thông luôn luôn nguồn cảm xúc và tư tưởng. (*Sau khi kh e hết một vai tình thâm sâu, còn có gì mà nói ? Sau khi ghép mấy vòn anh và em, ly biệt, nước mắt chảy, câu thơ còn biết mang những rung động gì ?*) ; hoặc tài năng của họ thực không có mà họ làm thơ là đi làm đường. (Nếu không sẵn thiên tài thì làm nghề khác, chớ nuôi mộng làm thi sĩ). Mặc dầu tôi giở nhiều tập thơ đọc với một trạng thái tinh thần bình tĩnh và không có chút thành kiến gì về nghệ thuật, tôi cũng không khỏi thấy cái nhạt nhẽo và nghèo nàn của thi hứng trong thơ của Mộng Tuyết, của Thu-Hồng, của Hằng Phương... và đến cả của Phan văn Dật và Nguyễn Bình nữa. Và khi đọc bài « *Giận nhau* », và bài « *Em đương thêu* » của Nguyễn xuân Huy, tôi không khỏi nghĩ đến cái loại thơ nhí nhảnh của học trò, cái loại thơ của một nàng (hay chàng ?) Janine Lê Thủy góm ghiếc nào thường viết trên mấy tờ báo rẻ tiền ở Hà-Nội !

Cả trong những thi phẩm của đám thi gia có tài, ta cũng nhận thấy đó, đây, những vết bất hoàn mỹ. Ý tưởng trong bài « *Cây đàn muôn điệu* » của Thế Lữ thực nhảm, không có gì đặc biệt. Sau những câu thơ hay làm cho người đọc khoái trá, ta đã gặp những câu thơ không có nhạc điệu, tựa như văn xuôi. Ở Phan văn Dật ta thấy những câu thơ ấy đã đành. Thí dụ hai câu :

*Tôi không hay hưởng cùng cái hiện tại,
Hững hờ tôi thường để nó đi qua.*

Đến ở Thế Lữ cũng có những câu như :

Ta chỉ là một khách tình si

.....

*Vời Nàng thơ tôi có cây đàn muôn điệu,
Vời Nàng thơ tôi có bút muôn màu,
Tôi muốn làm nhà thi sĩ nhiệm màu.*

(*Cây đàn muôn điệu*)

ở Xuân Diệu :

*Anh nhớ anh của ngày tháng xa khơi,
Nhớ đôi môi đương cười ở phương trời,
Nhớ đôi mắt đương nhìn anh đắm đắm.*

(*Tương tư, chiều*)

và ở Huy Thông :

*Thiếp là người chàng mơ tưởng, nhớ thương.
(Anh Nga)*

Ảnh hưởng Pháp ! Có nhà thơ tuy (lặng lẽ) đọc kỹ càng một thi sĩ Tây phương nào, thấy một nhà phê bình gan cho họ cái mối thân thuộc với một thi hào phương xa, liền vội nhận lấy và nghiêm nét mặt ra vẻ quan trọng : vinh hạnh gì bằng cơ trên vai một Byron hoặc một Baudelaire !

Nhưng cũng có người lại chẳng lấy cái sự chịu ảnh hưởng ấy là vinh hạnh và họ lại chê bai những ai không có đủ tư cách độc lập để không chịu ảnh hưởng của một ai cả. Người ta đưa nhau nói thơ của Xuân Diệu và Huy Cận có tính cách « tây ». Và người ta lại còn bảo thơ của hai chàng thanh niên ấy khó hiểu nữa, làm cho tôi bực mình vì tôi thấy ở Xuân Diệu và Huy Cận thực không có gì tối tăm cả. Tôi tâm chẳng phải là một đức tính, cũng chẳng phải là một tật xấu (Mallarmé và Valéry chẳng đã hài lòng về cái tối tăm của họ ư ?). Tôi chỉ muốn nói Xuân Diệu và Huy Cận không lúc nào khó hiểu cả. Xuân Diệu mang vào thơ ta cái ham sống mãnh liệt, cái bông bột, cái sôi nổi của Tây phương và chút triết lý khoái lạc (épicurisme) nữa. Huy Cận mang vào một niềm buồn gần như cổ tính cách siêu lý. Những ai xưa nay chỉ quen thưởng thức thơ sáng sủa tả những tình cảm sơ giản, tóm lại những ai ít đọc thi văn Tây phương, nhất là thi văn triết lý, kêu thơ của hai nhà thi sĩ ấy khó hiểu. Họ không sống cái tha thiết, và những hoài bão của tuổi trẻ trước cuộc đời mới nên họ không rung động và cảm được cái hay của thứ thơ có hứng mới mẻ ấy. Đây thực là chỗ đề ta nói : « *Lỗi không ở thi sĩ, lỗi ở người đọc* ». Xuân Diệu và Huy Cận đáng được coi là hai nhà thơ làm vừa lòng bạn trẻ hơn cả. Và cũng lại là hai nhà thơ có tài.

Ảnh hưởng của thơ Tây Phương và nhất là thơ Pháp trong thi văn ta có thể gọi là một triệu chứng tốt. Sự tiến hóa của nhân loại là lịch sử những ảnh hưởng chế hóa lẫn nhau. Ở Pháp trong thời Phục-Hưng, ảnh hưởng của thơ hi lạp, la mã và cả thơ ý-đại-lợi nữa đã đem đến cho các thi sĩ Pháp một nghệ thuật mới mẻ, phong phú hơn nghệ thuật thời Trung Cổ. Ảnh hưởng của các thi sĩ Anh đối với các thi sĩ Pháp, ảnh hưởng của Shakespeare với Hugo, đều là những ảnh hưởng đã thay đổi làm mới lại nguồn cảm hứng, làm giàu cho nghệ thuật. Thi pháp tượng trưng của Pháp đã chịu ảnh hưởng của các tác phẩm âm nhạc của Wagner.

(*Xem tiếp trang 23*)

CHIẾC GẠCH-NỐI GIỮA HỌ VÀ TÊN NGƯỜI

TẢO TRANG

CÁCH đây vào khoảng năm sáu năm, tôi có được đọc ở một số báo « Nouvelles littéraires » một bài nhỏ của một người Tàu phê bình một bản nghiên cứu văn-học Trung Quốc, do viết trong một cuốn Bách-khoa (Encyclopédie) tiếng Pháp. Tác giả người Nhật đã viết sang chữ La-tinh những tên họ văn-nhân Tàu nối liền nhau bằng một gạch-nối (trait d'union) như *Pou Fou*, *Li-lai-Pép*. Nhà phê bình cho thế là nhầm, lấy nhẽ rằng viết như vậy cũng nực cười chẳng kém gì khi đặt một gạch nối trong lúc viết tên các danh nhân của họ như *Victor Hugo*, *William Shakespeare*.

Chúng ta đại đa số cũng đã phạm cái lỗi rất vô-ý-thức đó. Trên mọi tấm danh thiếp, trên các sách báo ta đọc hàng ngày có bao nhiêu tên và họ người nối liền nhau bằng chiếc dấu gạch không đúng chỗ : Nguyễn-Du, Nguyễn-Công-Trứ, Lê Lợi, Hồ Xuân-Hương ..

Đó là một sự nhỏ nhặt, chắc có nhiều người nghĩ thế. Nhưng những cái rất tầm thường nhiều khi lại rất quan-trọng : vì nó là dấu hiệu minh-sắc tố cáo một thái độ, một tinh thần. Bây giờ hẳn đã đến lúc cần phản động lại cái tình mơ hồ luộm thuộm của người Á-đông. Chịu nhận xét một chút, chúng ta đã thấy có rất nhiều điều nhầm lẫn vô lý mà sự lười nghĩ đã khiến ta phạm phải.

Cái gạch-nối rất vụ-tiện đây thực ra đã là một dấu đề phiên phục khi người ta muốn định rõ cách dùng của nó. Trong bài này, chúng tôi chỉ nói đến dấu đó trong cách viết những tên họ người. Về những danh từ chung, và những tên đất, cách dùng cái dấu hiệu nhỏ đã làm nảy ra nhiều

rắc rối không kém mà phạm vi bài này chưa cho phép bàn luận tới.

Muốn cho rõ ràng một đôi chút, ta hãy định lấy một thông-lệ để làm tiêu chuẩn trong cuộc thảo luận, rồi sẽ dần dần áp dụng thông-lệ ấy vào những tên họ thường thấy ở nước ta.

Thông-lệ căn bản ấy, ta có thể viết ra như sau :

« Không bao giờ có thể đặt gạch-nối giữa họ và tên người. Gạch-nối chỉ được dùng giữa những họ kép hay những tên kép » (1)

Có nhẽ không cần phải giảng giải nhiều về định luật này. Lối suy-luận của nhà phê-bình người Tàu nói trên kia đủ chứng rằng dùng gạch-nối giữa họ và tên người là vô-lý. « Họ » vốn là một danh-hiệu riêng của một gia-tộc, tồn tại qua các thế hệ. « Tên » chỉ là riêng của một cá-nhân. Mỗi thứ hàm một ý nghĩa khác. Người ta chỉ dùng gạch-nối để chỉ rõ sự liên lạc của những thứ đồng loại những tên kép hay một họ kép chẳng hạn.

Bây giờ ta thử áp dụng định lệ đó vào cách viết họ-tên người của nước ta, trong hai trường hợp chính : Tên-họ có hai tiếng, và tên-họ có trên hai tiếng.

I — Tên-họ có hai tiếng : một tiếng là tên, một tiếng là họ. Đối với những nhân danh trong loại này, người ta không cần, mà cũng không được phép dùng gạch-nối giữa hai chữ đó.

Người Âu viết Claude Bernard, Jeune Barry (không có gạch nối). Ta dùng chữ quốc ngữ vốn là thứ chữ gốc ở la-tinh tất phải viết :

Nguyễn Thuyền.

Đặng Dung,

Võ Tánh.

II — Tên-họ có trên hai tiếng : Ở nước ta hiện thời, thường những nhân danh chỉ có ba tiếng : tiếng chỉ họ bắt buộc phải đặt đầu tiên, và tiếng chỉ tên bắt buộc phải đặt ở sau cùng (2). Tiếng ở giữa có thể hợp với họ làm một họ kép (phức-tính), hợp với tên làm một tên kép (phức-danh), hay đứng độc lập làm một tiếng đệm.

(1) Cuốn « Việt-Nam văn-phạm » soạn rất công phu của ông Trần trọng Kim cũng có nói tới vấn đề này (Xem Việt-Nam văn-phạm bản quốc ngữ trang : 36, 37, 38 ; bản Pháp văn trang : 46, 47, 48). Tuy không đặt ra những nguyên tắc nhưng những thí dụ về tên người ở trong sách đều hàm cái thông-lệ kể trên. Vay hết cả danh dự đều về phần Trần tiên-sinh, người đầu tiên trong một cuốn văn-phạm đã nhận rõ cách viết tên họ người cho hợp lý. Bài này mục đích chỉ đem bàn lại vấn đề đó cho có hệ-thống hơn và một cách khái quát hơn.

(2) Chúng tôi không nói tới cách viết đảo ngược tên theo lối người Pháp như *Giáp Nguyễn Văn*, *Át Phạm Văn*. Đó là một lối viết rất hiếm nên không là lỗi lạng thì cũng là do một ý tưởng lập dị không đáng kể.

1) *Họ kép*. — Giữa hai tiếng hợp lại làm một họ kép ta phải đặt gạch-nối, cũng như ở bên Pháp người ta viết : Gay-Lussac, Prévost-Paradol (trừ một vài trường-hợp rất hiếm có thể cho là những lệ-ngoại [exception] mà một họ kép không có gạch-nối giữa hai tiếng).

Bên ta, những họ sau này là những họ kép, và sẽ phải dùng gạch nối ở giữa hai tiếng hợp thành :

a) Những họ hai tiếng do hai họ ghép lại của những người con nuôi (họ bên cha nuôi ghép với họ bên cha đẻ) giòng dõi những người đó :

Vũ-Phạm (người họ Phạm làm con nuôi họ Vũ).

Đặng-Trần (người họ Trần làm con nuôi họ Đặng).

Muốn khỏi nhầm tiếng chỉ họ cũ với tiếng đệm, ta phải dùng gạch-nối để tỏ rằng đó là một họ kép và khác với những loại họ kép ta sẽ xét sau, chữ thứ hai trong phức-tính loại này phải viết hoa :

Vũ-Phạm Hàm

Đặng-Trần Côn.

Có nhẽ ta cần phải cho vào loại họ kép trên này, hết thấy những họ do hai họ ghép lại, do một nguyên nhân này hay một nguyên nhân khác. Thí dụ một người xưa kia vốn họ Trịnh. Sau khi nhà Nguyễn thu phục được cả Bắc Hà, người ấy sợ sẽ bị liên can

Người ấy bèn đảo họ ra là Nguyễn (trong chế độ hộ-tịch lộn sộn ngày trước, người ta thay đổi họ tên một cách rất dễ dàng), nhưng muốn cho con cháu ấy nhớ đến họ chính của mình bèn lấy họ hai chữ Nguyễn-Trịnh. Một người trong họ ấy theo những điều đã nói trên phải viết tên họ như sau :

Nguyễn-Trịnh Mỗ.

(thí dụ có thật của một họ ở làng Đại-Tráng huyện Võ-Giàng Bắc ninh).

b) Những họ hai tiếng lưu truyền đời đời không hề thay đổi : . . . Nguyễn-khoa, Ngô-dinh, v. v. cũng như các họ kép bên Tàu : Gia-cát, Tư-mã. Ta sẽ dùng gạch nối để nối liền hai chữ đó, và khác với loại phức-tính trên, chữ thứ hai sẽ viết theo lối chữ thường

Ngô-dinh Khả

Gia-cát Lượng

Tư-mã Thiên.

Gần đây có nhiều nhà muốn phân biệt hẳn họ mình đã cố ý đổi họ đơn ra họ kép. Đó là một thái độ rất dễ hiểu và rất nên tán thành. Nước ta có bao nhiêu người họ Trần, họ Nguyễn, họ Vũ, họ Đặng... không có liên-lạc gì với nhau hết thấy. « Họ » ở đây không còn có thể dùng được để phân biệt tôn-tộc nữa. Tình-thế ấy có thể không quá bất tiện trong thời đại cũ, mà cuộc đời sống quanh quẩn ở gia-đình hay ở thôn xã khiến ta có thể nhận họ một cách dễ dàng. Nhưng khi cuộc

sinh hoạt đã phiền phức hơn, sự đi lại đã mở mang thêm, những người trong một gia-tộc không còn tụ tập luôn trong một làng hay trong một tỉnh mà có thể tản-cư đến những địa phương xa vời. Lúc đó người ta mới thấy bối rối khi muốn nhận họ nhau. Vậy muốn phân biệt tôn-tộc và khiến người trong họ có thể dễ nhận được nhau, cố nhẽ nên đổi cả thành họ kép : Trần-thanh, Trần-dinh, Trần-như v. v. và khiến con cháu cư mãi mãi theo dùng họ kép hai tiếng như thế (1).

2) *Tên kép*. — Sẽ là những tên kép (phức-danh) những tên sau này, và phải viết có gạch nối giữa những tên ấy :

a) Tên hiệu, tên tự, biệt-hiệu và biệt-tự (2).

Ta sẽ viết những tên ấy có gạch nối, và chỉ có chữ đầu là viết hoa, không cần phải viết hoa cả chữ thứ hai : (Trần trọng Kim Việt-Nam vàn-phạm mục 76) :

Tổ-như.

Chu-thần,

trừ một vài trường hợp mà chữ thứ hai vốn là một tên riêng, bắt buộc ta phải viết hoa chữ đầu của nó : Tân-Đà, Nhung-Tổng, Khanh-Lân.

b) Tên gọi chính. Ta có thể cho là tên kép những

(1) Trái với bên ta, ở bên Tàu « họ » còn giữ rất nhiều giá trị. Một người Tàu gặp một người khác cùng họ tất làm thân ngay và dò hỏi tông tích để nhận làm anh em. Có nhẽ ngày xưa ta cũng theo nguyên tắc trong Lễ ký « cùng họ không lấy được nhau » (Đồng linh bất thú). Ở bên ta ta hiện thời, lệ ấy không thể theo được, nhiều làng chỉ có nguyên một họ không pha lẫn họ nào khác (xem trong Les paysans du delta tonkinois của Gourou trang 126 : tên những làng đó trong tỉnh Bắc-ninh). Và vì thế họ chính không còn là chữ đầu trên nữa, mà là chữ ta vẫn gọi là chữ đệm Trên một tấm bia ở huyện Mỹ Lộc Nam-định (làng Hữu bị) ta đọc thấy « Ông Mỗ họ Đình, ông Mỗ họ Bá ». Thực ra những ông đó là Trần-dinh Mỗ, Trần-bá Mỗ. Vì cả làng đều họ Trần nên phải lấy chữ đệm để phân biệt. Trong trường-hợp ấy, Trần-bá, Trần-dinh phải là một họ kép, không thể thay đổi. Chỉ như thế mới dễ nhận được từng tôn-tộc trong một làng.

(2) Ta có thể phân biệt những tên ấy một cách đại khái như sau :

a) Tên « Tự » thường là một tên có liên lạc với tên chính : thí dụ cùng một ý nghĩa na ná (một người tên là Tiêu, lấy tự là Sơn-nhân, tên là Sáng lấy tự là Tử-Minh. Mạnh Giao tự là Đông g'ã, Cao-Ách tự là Đạt-phụ) hay do một điển tích gì có can hệ đến tên mình : Người tên là Ngọc lấy tự là Ôn-như, tên là « Nho » lấy tên là Khanh-Tân (chôn nhà Tân, vì nhà Tấn trước có chôn nho-sĩ).

b) Tên « hiệu » thường không liên can gì với tên thật. Đó là một tên hoặc để tỏ chí hướng của mình (Đỗ nam, Sào-Nam) hoặc để chỉ một nơi mình ở hay nơi sinh quán : Bạch-vân-am, Quế-dương, Vĩ xuyên, Tân-đà.

Ngoài ra ta còn có bút-danh (dùng trong khi viết văn) biệt-hiệu, biệt-tự (những tên hiệu tên tự dùng trong một phạm-vi đặc-biệt, giữa những bạn thân chẳng hạn...

tên chính mà hai chữ ghép với nhau có một ý nghĩa rõ rệt : Trần Hải-Băng ; Trần Hi-Tăng ; Đặng Văn-Thê. (Ta sẽ viết có gạch-nối, và khác với loại trên, viết hoa cả hai tiếng), thực ra ở xã-hội ta, người ta chưa quen gọi cả hai chữ cuối của một tên người nên ta có thể tự hỏi rằng, ngoài những tên tự, tên hiệu đã nói ở trên, ta có tên kép chính thức không ?

(Ở bên Tàu, có những tên mà ta không thể nào không coi là tên kép được. Khi hai chị em có tên là Tống Mỹ-Linh và Tống Khánh-Linh hay hai anh em có tên là Phương Hải-Băng và Phương Thu-Băng, cố nhiên người ta phải gọi cả hai tiếng của tên mới có thể phân biệt được ai là anh hay chị, ai là em).

Hiện thời tôi tưởng ở chỗ này phải tùy ý niệm của người đặt tên (hay có tên). Nếu họ cho hai chữ cuối của họ là phức-danh, có ý-nghĩa riêng của chúng, họ sẽ đặt gạch-nối. Miễn là đừng đặt gạch nối giữa họ và tên là được rồi. (S)

3) *Tiếng đệm*. Như trên đã nói, hiện thời trong tâm trí mơ hồ của dân chúng về quan niệm họ kép và tên kép, tên họ người nước ta phần nhiều là vào loại này, gồm có 3 tiếng : « họ, tiếng đệm, tên ».

Tiếng đệm là một tiếng thường không có liên-lạc gì mật thiết với họ và tên. Nó có thể không có ý nghĩa gì hết và thêm vào đó như để cho êm tai (thí dụ chữ « văn » ở một đại đa số họ tên người). Nhưng cũng có nhiều khi nó có một công dụng :

— Phân biệt con trai và con gái : Hoàng văn Dân, Hoàng thị Dân.

— Phân-biệt con trưởng và con thứ, ngành trên và ngành dưới. Con cả dùng làm tiếng đệm chữ « mạnh », con thứ hai lấy chữ « trọng », con thứ ba lấy chữ « quý » .. Nếu còn các con sau sẽ nhất loạt lấy chữ « gia ».

— Phân-biệt từng thế hệ, tùy theo ước-lệ của mỗi gia-tộc : những người ngang hàng nhau sẽ cùng lấy một tiếng đệm. Vũ đình, Vũ gia, Vũ hữu. v. v. . .

Dù sao, ngoài những công dụng bất thường kể trên và không dính líu gì mấy đến họ và tên, tiếng đệm thường chỉ dùng như để thêm vào tên người một chút ít âm-hưởng. Nó đứng một địa vị độc-lập không liên lạc gì với họ cùng tên. Ta không có quyền thêm vào những họ tên có tiếng đệm một gạch-nối nào hết. Vậy ta sẽ viết :

(S) Nhân tiện đây nên nói qua về một điều lỗi rất thông thường của nhiều người nước ta theo Pháp tịch hay theo đạo Cơ-Đốc. Trong khi viết họ tên mình, họ chỉ viết tên mình đặt dưới tên bằng tiếng Pháp rồi quên băng cả họ mình đi : thí dụ François Lã, Pierre Trí (không có gạch nối). Người ta không còn hiểu đó là một tên kép hay không. Theo chúng tôi, những tên như thế phải viết như sau :

Nguyễn thị Thu (không gạch nối)

Hoàng văn Giáp (—)

Vũ đình Sửu (—)

Tiếng đệm sẽ viết theo lối chữ thường vì đó không phải là một danh hiệu riêng như họ và tên.

Tóm lại, ta có thể ấn-định một vài thông-lệ như sau mà hết thấy đều theo cái nguyên-tắc căn bản : « Không bao giờ được đặt gạch-nối giữa họ và tên người ».

1. Đối với tên họ có hai tiếng, cách viết rất giản dị : không có gạch nối ở giữa và viết hoa cả hai.

Lê Lợi,

Đặng Dung,

Nguyễn Án.

2. Đối với tên họ có ba tiếng, thí dụ : Hoàng văn Giáp, có ba cách viết :

a) Hoặc coi hai tiếng đầu là một họ kép (và như thế sẽ phải tồn tại qua mọi thế-hệ không hề thay đổi) người ta sẽ viết :

Hoàng-văn Giáp

(gạch nối giữa họ kép, riêng chữ đầu họ kép viết hoa, [trừ phi họ kép là do hai họ hợp thành. Xin xem ở trên])

b) Hoặc coi hai tiếng sau họ thành một tên kép : người ta sẽ dùng gạch nối giữa hai tiếng cuối và cả hai tiếng ấy cũng viết hoa :

Hoàng Văn-Giáp.

c) Hoặc coi tiếng giữa chỉ là một tiếng đệm

(Xem tiếp trang 21)

a) nếu tên chữ Pháp rất ít khi dùng đến, chỉ viết tên họ an-nam cũng đủ : Nguyễn văn Lã, Bùi Trí.

b) nếu tên Pháp thường dùng đến luôn, ta sẽ viết : Nguyễn François không cần đến tiếng đệm, nếu họ vốn là họ đơn) Bùi Pierre.

Hoặc là François Nguyễn hay Pierre Bùi cho nó có vẻ thật tên Pháp.

c) nếu muốn dùng cả hai tên Pháp và Nam : ta sẽ viết Nguyễn văn Lã tức François, Bùi Trí tức Pierre (có nhiều người viết theo lối đề tên tây lên trên cả họ-tên an-nam : François Nguyễn văn Lã Pierre Bùi Trí tuy chưa thật ổn đáng, nhưng cũng còn gọn ghẽ và hơn các lối viết thông thường khác nhiều).

Tin buồn

Được tin cụ bà thân-mẫu ông Trần văn Giáp vừa tạ thế.

Chúng tôi xin chân thành kính viếng cụ và cảm động chia buồn với ông Giáp cùng tang quyến.

T. N.

Lược khảo tiểu thuyết Tàu

(Tiếp theo và hết)

12. Bụi hồng tan-tác gió tiêu sơ
Lăn quất đường mây kiếm các chợ.
Đi dưới núi Nga nào mấy kẻ
Tinh kỳ chẳng tỏ bóng ô mờ.
13. Nhác trông nước biếc với non xanh
Mai tối băng khuâng mỗi nhớ tình.
Cung ngắm đau lòng giăng xế bóng
Đêm mưa ngán nỗi nhạc tàn canh.
14. Giời đất xoay vần đỡ gót loan
Tới nơi thơ-thần nghĩ nguồn cơn
Mã-ngôi đất nọ in còn dấu
Chốn thác tình xưa vắng ngọc nhan.
15. Giọt lệ vua tôi thấm chiến bào
Đông về xe ngựa luống tiêu hao.
Vườn ao cảnh cũ nguyên còn đó
Dương-liễu phù-dung vẫn tốt sao.
16. Phù dung như diện liệp mi sơ
Ngắm cảnh quân vương cảm cách chưa.
Xuân tiêu đào lý hoa đưa gió
Thu lĩnh ngô đồng lá rụng mưa.
17. Tây cung nam uyển cảnh tiêu sơ
Lá đỏ đầy thềm rụng chẳng vơ.
Tử đệ rất tường phờ tóc bạc
Tiêu phòng lắm kẻ chiếu gương mờ,
18. Bóng huỳnh thấp-thoảng nghĩ hồn mai
Khêu ngọn đèn tàn ngủ lại thôi.
Gì gì khắc lậu canh dài mấy
Vắng vặc thiên trương vẽ sáng rồi.
19. Tuyết đầm gieo lạnh ngót uyên ương,
Rỏ nỗi chần cù những nhớ thương.
Đằng đẳng chệnh niêm năm đã trải.
Hồn hương nào động giấc mơ-màng,
20. Khen người Đạo-sĩ khách Hồng đô
Hồn phách tinh-thần có phép thu.
Vị cảm Hán hoàng ngao ngán nhẽ.
Bắt thầy Phương-sĩ hỏi nơi mô.
21. Sấn gió xe mây gót ruổi mau
Lên giời xuống đất mấy ngày lâu.
Suối vàng rưới khắp trên mây bạc
Đôi chốn mờ mờ đã thấy đầu.
22. Thoắt nghe trên biển có non tiên
Non ở mây mờ mọc tự nhiên

- Lóng-lãnh diện đài năm vẻ ngất
Người đầu thấp thoảng đám đảo nguyên.
23. Trong động tên ai gọi Thái-chân
Mặt hoa da phấn dạng mười phân.
 24. Sấn vào Kim quyết gỗ then mây.
Tiêu-ngọc Song-thành tỏ nẻo ngay
Hán sứ nơi mô đã mới lời
Chương hoa nghe động giấc vàng lay.
 25. Vội-vàng dịch áo rút xiêm ra
Mở bức rèm thưa hé thoảng qua
Tóc mây vén lệch nhường chưa tỉnh
Mũ ngọc cài soàng dạo gót hoa.
 26. Áo vũ xiêm nghe gió tả toại
Hình như dạo múa lúc ca chơi
Ngọc nhan ủ dột nhường bao nả
Mưa nặng cảnh lệ lách-tách rơi.
 27. Ngậm ngùi bao lệ tạ quân vương.
Xa cách đôi lòng những nhớ thương.
Rút nỗi Chiêu-dương từ đấy nhĩ
Dài ngày Bồng-đảo nghĩ thêm càng.
 28. Cõi trần ngánh lại thấy chi chi
Chẳng thấy Trường an, thấy những gì.
Vật nọ gọi là ân-ái cũ.
Mảnh tình sau hợp gửi đem đi.
 29. Soa hợp đôi vòng để lại đây
Soa chia vàng tốt hợp đưa tay
Đình ninh vàng đá lòng ghi tạc
Dưới đất trên giời gặp gỡ nay.
 30. Lâm biệt ngày xưa gửi mấy nhời
Là nhời non nước tạc đôi nơi.
Trường sinh thất tịch quên hay nhớ
Thề thoát canh ba lúc vắng người
 31. Trên giời chim nọ bay liền cánh
Dưới đất cây kia mọc dính chồi.
Giời đất lâu dài còn có hạn
Lòng này đắng-dặc biết bao người.

Trường-Hận-ca diễn âm

(Song-thất lục-bát)

1. Vua Hán-hoàng trọng người khuynh-quốc
Dao gót tìm chữa được nơi nao
Họ Dương có gái thơ đào
Aị hay cung cấm lâu cao tốt lành

2. Chất tốt này giới sinh nữ phụ
Một mai vợ đến phủ quân-vương.
Miệng cười trăm vẻ đoan trang
Sáu cung son phấn so thường khác xa

3. Giếng Hoa-thanh nằng ra tắm gội
Mầu da ngà nước gội suốt ôn.
Thị nhi nung giắc đào non
Ơn vua mới nhuận phấn son thêm mầu.

4. Bước vàng lay trên đầu hoa dát
Chường phù dung ắm các xuân tiêu
Xuân tiêu thắm-thoắt nhường bao,
Ngắm xem châu trực hôm nao sớm ngày.

5. Lòng quân-vương tỉnh say say tỉnh
Tài sắc này thôi tỉnh lại say
Yến vui chẳng lúc nào khuây
Xuân qua xuân lại đêm dầy sang đêm.

6. Sánh ba nghìn càng thêm tươi tốt
Trong cung tần chuyên một ái-ân.
Nhà vàng đức vị giai-nhân
Ngọc lâu say tỉnh mấy xuân càng mầu.

7. Anh em thì công hầu bá tử
Trong cửa nhà riêng chữ vinh-hoa
Sui lòng thiên hạ người ta
Sinh diều trọng nữ ai hòa trọng nam

8. Chốn mây xanh cuồn làm chót-vót
Khúc nhạc tiên gió lọt đầu đầu.
Vũ ca ti trúc một mầu
Quân vương luống những ngày thâu
chẳng cùng.

9. Đất Ngự-dương dùng dùng trống nổi
Vở nghệ thường ngân nổi tại ai.
Khởi tuôn thành quyết bởi bởi
Ngựa xe thẳng nẻo phương giới tây nam.

10. Cờ phảng phất ai làm nên nhẽ.
Đi lại dành mấy lễ dậm trăm.
Sáu quân ngại bước không cầm
Ai đem mặt ngọc cát lăm sót xa.

11. Vòng hoa-diện rơi đã ai nhặt
Ngọc Trước-kiều lay lắt nhường bao.
Quân vương khôn nhẽ cứu nào
Quanh xem giọt ngọc máu đào chứa chna.

12. Ngao ngán nhẽ gió tan bụi tĩa
Đường gác mây xê xẽ ai đi.
Mấy người thấp-thoảng non My
Bóng ô nhân-nhật tình-kỳ tỏ đầu.

13. Non nước vẫn một màu xanh biếc
Sớm lại chiều thắm thiết nằng Dương.
Trong cung yừng nguyệt đoái thương.
Đêm mưa tiếng nhạc nghe nhường xót nao.

14. Lò giới đất nhanh sao chuyển vận
Xe loan về thơ thần không đi.
Mã-ngôi chốn nọ chi chi
Ngọc nhan luống những thương vì cho ai.

15. Hạt châu rỏ vua tôi lai-láng
Trông thành đồ thấp-thoảng thẳng vời.
Vườn ao nguyên cũ thanh thoi.
Giếng phù-dung nọ nền dài liễu kia.

16. Nhường hoa liễu như chia lòng nghĩ
Ngậm ngùi thay nhìn kỹ thêm càng.
Hoa đua gió nở xuân đương
Mưa thu sao khéo mưa tàn lá ngò.

17. Chốn cung uyển cảnh khô lác đác
Dụng dầy thêm tan tác không vơ.
Con em mái tuyết bạc phơ
Tiêu-phòng lăm kẻ cũng mờ phấn son.

18. Huynh thấp-thoảng nghĩ hồn đầu ná
Khêu đèn tàn nằm ngả lại thôi
Thức lâu mới biết canh giải
Trông ra vắng vặc vẻ giới rạng đông.

19. Ngọt xương lạnh nhạt nồng mảy tằm
Rở chần cù càng thắm niềm tây
Tĩnh ra cách một năm chầy
Bâng-khuâng núi Giáp nào hay thấy gì.

20. Gặp đạo-sĩ kinh kỳ lễ khách
Phép đạo tìm hồn phách cũng không.
Cảm ai luồn ngần-ngợ lòng.
Bắt thầy Phương-sĩ hỏi cùng mọi nơi.

21. Thoảng xe khí thẳng vời như chớp
Đạo gót tìm mảy lớp cao xâu.
Suối vàng mây biếc đầu đầu
Mờ mờ dòai chốn ai hầu thấy ai.

22. Nghe trên bề Thiên-thai chốn đó
Non mọc ra như có như không.
Đền đài năm thức mây phong
Người đầu thấp-thoảng ở trong động-đào.

23. Tình duyên khéo sinh sao chẳng nhĩ
Xa cách tâm tài tử thấy nhau.
Mặt hoa da phấn một mầu
Thái-chân ai chắc ở đầu chốn này.

24. Sắm thanh vân vào lay ngọc tỏa
Ngấn ngọc thành đôi ả nhũ nhau,
Rằng nghe hán xứ nơi đầu
Mộng hồn trong chương ai hầu xiết kinh.
25. Bừng mắt dậy xếp quanh gối xếp
Hé màn thưa mở khệp cánh lay.
Mơ hồ vén lệch tóc mây
Cải soàng mũ ngọc dạo ngay gót hài.
26. Siêm nghệ nọ tả-tơi trước gió
Nhác trông như hình múa khi nao.
Ngọc nhan ử đột nhường bao
Cảnh hoa lê điểm xuân triều hạt mưa.
27. Tả quân vương tình xưa bệch-bạch
Tự âm dương xa cách đôi nơi.
Chiêu-duyên ân-ái nở rời
Riêng vui ngày tháng bỗng lai non thần.
28. Thoắt trông xuống hồng trần chốn ấy
Thấy cát-lâm nào thấy trường an.
Xin đưa vật cũ tạ ơn
Mảnh tình soa hợp nguồn cơn những ngày
29. Đây để lại còn đây đưa tiễn
Tổ tẩm lóng, Kim-diễn phân tay
Đình ninh vàng đá chẳng lay
Trên gò dưới đất vật này tương thân.

30. Thuở làm biệt ân cầu trọng gửi
Những nhời thề sơn hải chỉ chi.
Trường sinh thất tịch ngày xưa
Nửa đêm thanh vắng tóc tơ mấy nhời.
31. Nguyên tỵ dục trên gò chìm nọ
Đất liền chỉ lòng tỏ hoa kia.
Đất gò lâu cũng có khi
Lòng này dằng-đặc biệt kỷ nào khuây.

Thúc-ngọc TRẦN VĂN GIÁP.

Sao lục.

CẢI CHÍNH

Trong bài Nghệ-thuật phê bình số 1er Août :

Trang 2, cột 1, giòng 23, xin đọc là : Nói « bình phẩm dễ, sáng tác khó » thì có lẽ đúng hơn, hoặc nếu hiểu chữ bình phẩm theo nghĩa hẹp thì bảo : « chế bai dễ, sáng tác khó ».

Trang 2, cột 2, giòng 9, xin đọc : cái hay của một nghệ thuật.

Trang 3, cột 1, giòng 25, xin đọc là : Như vậy thì nhà phê bình phải có cái thông minh thiện cảm...

Còn nhiều lỗi nữa, nhưng không quan hệ mấy, xin các bạn lượng thứ.

NGUYỄN - VĂN - PHÚC

Thơ'

Ngọc - Bích

Những cảm xúc chân thành và mãnh liệt
trong tâm hồn thi sĩ đã được ghi chép
bằng những lời thơ đầy nhạc điệu.

Bìa do họa-sĩ NGUYỄN HUYỄN trình bày

Loại sách quý : 1° Giấy giố lụa Sông Thao mỗi
cuốn 3p 50

2° Giấy giố lụa làng Nghè mỗi cuốn 2p.50

Hai hạng này để dành riêng cho các bạn yêu thơ
đặt tiền trước.

Loại phổ thông : Giấy bản thượng hạng
Giá đặc biệt mỗi cuốn 0p.70

Chỉ bán theo cách lĩnh hóa giao ngân.

Thư từ và ngân phiếu gửi về cho

Ông Nguyễn Văn-Phúc

Voie 206 bis, n° 11 Hanoi

Nguyễn Du tổng phát hành.

MUỐN NÂNG CAO CÔNG NGHIỆP
NƯỚC NHÀ NÊN DÙNG DẤM

PÉDOCA 6°

Chế theo phương pháp các nhà
sản xuất **Desseau** và **Borde-**
laise, đã được phòng thí-
nghiệm công nhận Thơm và độ
Chua không thay đổi

Có bán tại các hiệu thực phẩm như
G. M. R. Poinsard Veyret

Làm đại-lý, viết thư về :
136 Armand Rousseau, Hanoi

NHỮNG « HÌNH ẢNH » TRONG

(Les images)

I

A) Hình ảnh là gì ?

« Hình ảnh » những viên ngọc quý trong văn-chương, thường thấy xán lạn trên các trang tuyệt bút của những nhà đại văn hào Pháp.

Trong thi ca Việt-nam hiện đại, cũng thấy rất nhiều. Nhưng ta đừng vội tưởng đó là một món quà mới từ phương Tây đem lại, Trước khi Âu hóa, văn ta đã nhiều khi dùng — có lúc một cách rất táo bạo nữa — cái lối trong mỹ-từ-pháp đó. Cứ đọc những câu sau này sẽ rõ.

— Đầu tường lửa lựu, lập lòe đâm bông (Ng. Du).
— Lửa cơ đốt ruột dao hàn cắt ra (Cung-oán).
— Chén tán khỗ, nhấp ngon mùi chinh-khí.
— Mùi tục lụy lười tê tân khỗ. (Cung-oán).
— Chữ-nghĩa mớm dần con trẻ hết, Râu ria đâm mãi cái gia ra (câu-đối).

— Đá vắn tro gan cùng tuế-nguyệt, Nước còn cau mặt với tang thương (Bà huyện Thanh-quan).
— Chôn chặt vãi chương ba thước đất, Ném tu g hờ thỉ bốn phương trời (Hồ xuân Hương) :

— Cái già sông sộc nó tuai theo sau (Ca-dao)
— Tiếng nói ồm ồm như sấm động. Miếng cười rảng rặc tựa mây bay, (cái cối say : Lê Thánh tôn).

— Bàu giốc giang sơn say chấp rượu. Túi lưng phong nguyệt nặng vì thơ (Bà huyện Thanh-quan).
— Gió tựa tường ngang, lưng gió phẳng. Trắng nhóm cửa sồi, mắt rắng vuông. (Câu đối).

— Tối ba mươi, nợ hỏi tit mù, co cẳng đạp thằng Bần ra cửa. Sáng mồng một, rượu say túy lúy, g'ơ tay bằng ôn? Phúc vào nhà.

— Anh đi đường ấy xa xa. Đề em ôm bóng trắng tà năm canh. (Ca dao).

— Mưa hè nắng trái, oanh ăn nói. Sớm ngỗ trưa sân, liều đứng ngồi. (Dục-tôn).

Các cụ ta ngày xưa không hề học văn pháp, và cũng chẳng biết mỹ-từ-pháp là cái gì. Chỉ việc đi theo tiếng gọi của hồn thơ, để tâm hồn rộng mở, rung động nhịp-nhàng trước những cảnh hùng vĩ hay sinh tươi của trời đất, thế là « hình ảnh » ở đâu rồn rập dưới ngòi bút và nảy lên những tiếng êm-dềm, những vần tuyệt diệu, mà người ta tưởng như là kết quả của bao nhiêu giờ đeo gót công phu.

Tại làm sao trong cách diễn đạt tư tưởng, Đông và Tây một lần nữa đã gặp nhau ? Tại làm sao xa nhau về tinh thần cũng như cách biệt nhau về

không gian lẫn thời gian, các nhà văn Pháp và Việt-nam đã cùng dùng một lối trong mỹ-từ-pháp để ca ngợi những vẻ đẹp thiên nhiên, hay để mô tả các tâm trạng của mình ? Là vì tất cả nghệ thuật văn-chương — dầu ở nước nào nữa — cũng có thể thu gọn lại trong hai chữ « Rung động và truyền lan » như nhờ một nhà văn đã nói : Biết « Rung động » đó là đặc tính của thi nhân. H. Taine luận về nguồn gốc thơ kể rằng : « Một người Ấn-độ thấy sa xuống chân một con chim bồ-câu cái bị thương, tức khắc lòng thồn-thức hồi-hộp như hòa nhịp với tiếng vật vã của con chim đang rầy-rụa hấp-hối và bất giác nảy lên lời thơ. Một mối cảm xúc căng lên đến cực điểm, phải chăng là nguồn gốc của thơ, và của « hình ảnh » ? Vì « hình ảnh » tức là thơ và thơ tức là « hình ảnh ». Thi sĩ không những là người biết rung động một cách mãnh liệt, mà lại còn thấy lòng sôi-nổi bồi-hồi, quẩn-quại như bởi một nỗi đau thương, cố làm thế nào « truyền lan » được hết cảm tưởng của mình cho người đọc, như muốn trút cả tâm hồn trên tờ giấy trắng. Hàn Mặc-Tử đã kêu lên trong mấy vần thơ diên-cường :

Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút,
Mỗi lời thơ đều dinh não cắn ta.
Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt
Như mê man chết điếng cả làn da.

...

Cứ để ta ngắt ngư trong vũng huyết,
Trải niềm đau trên mảnh giấy mong manh ;
Đừng nằm lại nguồn thơ ta đang siết
Cả lòng ta trong mớ chữ rung rinh.

Nhà văn có tài là người biết truyền được cái « rung động » của mình bằng sự huyền diệu của màu và của tiếng. Muốn đạt được mục đích ấy, không gì bằng dùng « hình ảnh », vì hình ảnh khiến câu văn trở nên linh-động và mạnh-mẽ vô cùng.

Phải chăng vì cơ đó mà văn chương Pháp và Nam đã gặp nhau một cách rất lạ-lùng : Các cụ ta ngày xưa không những biết dùng « hình ảnh » mà cả đến cách tạo nên « hình ảnh », nhà văn hai nước đều dùng những phương pháp như nhau.

Cụ Nguyễn Du đi chơi trong mùa xuân đầy thanh sắc, mắt ngắm nhìn cảnh hoa lê — những bông tuyết tỏa hương thơm trên cành xuân la-lả — chân giẫm lên tấm nhung dịu mát của cỏ non, thế là cảm giác mùa xuân tràn ngập vào óc thi nhân để biến thành mấy vần thơ bất hủ. Một hình ảnh đã tạo thành :

VĂN THƠ PHÁP VÀ VIỆT-NAM

Vũ Bội Liên

Cỏ non xanh rợn chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

Cũng cùng trong một trường hợp, cũng chịu một nguồn cảm xúc, Alfred de Musset đã vẽ nên một bức tranh giống hệt bức phác họa của tác giả truyện Kiều :

. les roses vont éclore

Sur les flancs des coleaux déjà court le gazon.
(...Hoa hồng đã sắp nở, cỏ non xanh rợn trên sườn đồi).

Một cảnh khác. Đêm trăng trong vườn hoa. Đằng sau đám lá sanh, lấp lánh kia mấy bông hoa lựu. Màu hoa đỏ rực, thi nhân chợt có cảm tưởng trông thấy những tàn lửa lập-lòe trong bóng tối. Lửa. . lựu... lập lòe, cảm giác đã thành thơ.

Đầu cành lửa lựu lập-lòe đâm bông. (Ng. Du).

Victor Hugo cũng đi « hái mấy vần thơ » dưới ánh trăng. Sao sáng ngời nổi bật giữa bầu trời sanh thắm, bao bọc vàng giăng uốn cong như lưỡi liềm. Làm sao miêu tả được tất cả vẻ lộng-lẫy huy-hoàng của cảnh thần tiên đó ? Một « hình ảnh » đầy thi vị đã lộ trong óc thi nhân :

«...Không biết vị thần nào đấy, không biết người thợ gặt nào của mùa hè vô cùng tận, lúc ra về đã lơ-lãng ném lại chiếc liềm bằng vàng này trong cánh đồng sao... (...quel dieu, quel moissonneur de l'éternel été, avait en s'en allant, négligemment jeté, cette faucille d'or dans le champ des étoiles ..) (Victor Hugo).

Ta vừa được mục-kích sự « nảy nở » của mấy « hình ảnh » tuyệt mỹ. Nay thử xét xem « hình ảnh » là gì và do đâu mà ra ?

Những hình ảnh trên kia tức là mấy cảm giác về thị giác, kết quả của một luồng cảm lực mãnh-liệt trước những cảnh sắc tuyệt vời đập mạnh vào nhơn quan các thi nhân.

Nhưng nhiều khi một sự kích-thích mạnh, một trạng thái trong tâm hồn, cũng là nguồn tạo nên « hình ảnh ». Bà huyện Thanh-quan trước cảnh điêu tàn thành Thăng-long tránh niềm hoài cổ : nào đâu là dấu xưa xe ngựa, nào đâu là vẻ sầm-uất chốn đế đô ? Bây giờ chỉ thấy bóng tịch dương kéo niềm u-uất trên đám cỏ úa vàng. Thi sĩ chau mày vì nỗi tang thương, nhưng lòng thi sĩ trước cảnh đổi thay không hề thay đổi. Thành quách nguy nga tráng lệ của thời xưa, nay chỉ còn là những bức tường đá, cỏ mọc rêu phong, soi bóng đau thương trên mặt nước. Cảm xúc và rung động đến cực điểm, nhà thi sĩ tìm một lối diễn tả

mới lạ để lột hết cảm tưởng ấy trong lời thơ, và khiến người đọc cũng cảm xúc và rung động như mình. Bởi « đá » là tượng trưng của sự bền bỉ, cũng như « nước » là hình ảnh cuộc đời dâu bể, nên tác giả nhờ đến những vô sinh vật đó để tả nỗi lòng mình. Bà huyện Thanh-quan vì vậy dùng lối « nhân cách hóa » (la personnification) : « đá » và « nước » bỗng trở nên có linh hồn, và tâm sự tác giả biến thành tâm sự các vật vô tri vô giác ấy :

Đá vắn tro gan cùng tuế nguyệt,
Nước còn cau mặt với tang thương.

Baudelaire trong bài thơ bất hủ « Splen » cũng đã dùng cùng một lối để tả nỗi buồn rầu chán nản của mình, những hôm giờ mưa gió, màn nước trắng ngoài cửa sổ như những chấn song của một đề-lao, óc như bị hàng vạn con rận dăng lưới che kín cả tư-tưởng. Thế rồi tác giả nói : « Có những đám ma dài dằng dặc, không kèn, không trống, diễu trong tâm hồn tôi ; « Hy vọng » thua trận ôm mặt khóc, và thần « lo âu » tàn ác, bạo ngược, cầm chiếc cờ đen trên đầu tôi gục xuống ». (Et de longs corbillards, sans tambour ni musique, défilent lentement dans mon âme ; l'Espoir vaincu, pleure, et l'Angoisse atissee, despotique, sur mon crâne inclipé plante son drapeau noir).

Một thầy đồ sống cảnh đời hiu quạnh, nghèo-nàn ở nhà quê, hết sức gào thét như cổ « mớm » chữ vào óc mấy đứa trẻ ngu lười mà không xong Thời gian trôi qua, chẳng mang lại cho nhà nho một chút hi vọng gì về tương lai. Thế rồi, mỗi tuổi một già, mong làm sao còn có một luồng ánh sáng vui tươi, chiếu vào quãng đời đen tối. Nỗi khổ tâm của cụ đồ đã phát ra trong hai câu đau đớn :

Chữ nghĩa mớm dần con trẻ hết,
Râu ria đâm mãi cái già ra.

Ta hãy chú ý đến cách dùng chữ táo bạo của đôi câu đối ấy : « mớm chữ nghĩa » « đâm cái già ra » chính là lối lấy cụ thể danh từ (mots concrets) đem dùng với những « trừu tượng » (choses abstraites), rất hay thấy trong văn-chương Pháp.

Sau khi đã kể qua mấy nguồn cảm xúc gây nên « hình ảnh », dưới đây xin nói về các cách nhà văn Pháp và Nam dùng để tạo ra « hình ảnh ».

(Xem tiếp kỳ sau)

Nghe một tiếng khóc trong hành lang

TÌNH thơ đâu ở đây ! Kia cô thiếu nữ mang chồng lên xin ly dị. Họ lờm nguýt nhau, họ sỉ vả nhau trong hành lang, ngoài sân cỏ. Còn đâu cái thi vị của những khúc nhìn xưa, lời yêu đương đường mật khi hai lòng mới biết nhau ! Khóc thút thít kia người đàn bà cảm thấy hạnh phúc mình sắp tan vỡ, đời mình bỗng dưng sâu tủi, duyên xưa hứa hẹn trăm năm nay lỡ dở.

Này đây bác xã tranh ruộng đất của bác nhiều ; này đây bội tín, đánh người, giả mạo vu khống ; tạt xấu, tội ác lũ lượt theo nhau chór chực trong phòng xử án, dưới áo lương, dưới những bộ nâu sồng. Khi quan tòa hỏi : « Anh có phạm tội ấy không ? Anh có đánh người ấy không ? Anh có ăn trộm hôm ấy không ? », thì tội nhân kêu oan ức, những bộ mặt độc ác trở nên hiền hậu để van xin, để nói những lời từ thiện.

Rồi trên nét mặt các bị cáo này lo âu, này cuống quýt, này phẫn nộ, này thất vọng, này hi vọng, thật là cả một tấn kịch vừa bi thương, vừa hài hước.

Tòa án ! Buổi nay không khí của người đầy tội lỗi và giận hờn. Thi sĩ khi mơ đến một tình yêu vĩnh viễn, khi khinh tiền bạc, khi mơ tưởng đến những tình thơm mát, lòng từ bi, tín nhiệm, thi xả, hi sinh, nhân ái, ôi, người hãy đừng dấy đi ra đường mà hái hoa, mà ngắm giò, mà vuốt ve trong tâm trí những mộng đẹp, vì ở đây chỉ có hiềm thù, ác ý, chỉ có đối trá, chỉ có những bộ mặt lo âu, những vầng trán trên đờ như có biến tội trạng và nghiệp chướng và hình ảnh những ngày tù đen tối, những chia ly, những nước mắt hối hận chảy đã chậm quá rồi !

Trông một đàn vịt trên cỏ ướt

Một đàn vịt rúc mồi qua những khe cỏ ướt, sau một trận mưa, dưới ánh nắng yếu ớt buổi chiều. Chúng hăm hở rúc, nuốt. Chân chúng đập mạnh, mình chúng rung chuyển. Như tất cả lạc thú của đời chúng đã

thấy trong phút này. Tôi nghĩ ngợi : « Nay ăn cho béo, một ngày kia chúng mày chỉ để cho người ăn thịt ! Số phận các người đã định. Trông các người lúc này ngây thơ sống ta thương hại các người quá ! ». Chúng tận hưởng cái lạc thú của sự sống hiện tại. Trong mỗi cái đầu nhỏ lông che kia không có những phân vân của con người. Ngày mai của chúng chúng không nghĩ tới, chúng không có năng lực của giới cho để nghĩ tới được. Trong khối óc nhỏ bé sơ sài của chúng không có giác hội của dĩ vãng và tương lai.

Cây cỏ vô tri. Hoa nở mùa xuân rực rỡ muốn màu phở hết trang điểm trong một khoảnh khắc, và trên mỗi cánh hoa, trong mỗi hương vương của hoa, ta chỉ thấy hiện tại, sự tung bừng nảy nở của một lúc, một lúc tuyệt đối, không được giằng nghĩa bởi những tình trạng ngày hôm qua và hình ảnh tình trạng ngày mai. Hoa cỏ mùa xuân không buồn chán cái ngày rơi rụng, mùa đông tàn tạ. Chỉ có con người buồn hộ cỏ cây, đem cái buồn của mình làm cái buồn của tạo vật.

Những con vật kia cũng vô tri. Chúng chỉ lĩnh hội, cảm xúc cái hiện tại, cái hiện tại trôi theo dòng thời gian. Đối với chúng không có dĩ vãng, không có tương lai. Với khách quan, này con vịt nhỏ ở trong trứng rồi con vịt nhỏ mọc lông nhón lên... Nhưng đối với con vịt chủ động cái đời của nó, mỗi phút, mỗi giây có chỉ nhận nó là một động-thể, một con vịt... Vì tạo vật vô tri như vậy nên cảnh tượng vũ trụ mới có tung bừng, có sáng sủa, có muôn sắc, có ca nhạc, có say sưa. Say sưa ấy là chỉ cảm hội có hiện tại.

Từ ngày sinh ra loài người, trong khối óc đơn giản của người cổ sơ đã có câu hỏi muôn đời : « Ta sống để làm gì ? Ngày mai của ta sẽ thế nào ? ». Muốn thế hệ vẫn chịu thọ, mặc dầu bao nhiêu sáng kiến phi thường của khoa học. Ta định trước số phận con

Tu'-tu'ỏ'ng ngầu-nhiên

ĐINH GIA TRINH

vịt, nhưng nó nào có biết gì đâu ! Ai định số phận ta ? Mịt mù...

Tạo hóa là một quái tượng ! Hôm nay tức tối tôi kêu lớn lên như vậy. Vì tôi quen gọi những cái gì không hiểu được là một quái tượng. Có thể có một tri khôn siêu đẳng, siêu hình cấu tạo vũ trụ và để nó hoạt động. Có thể rằng con người ta thực hành một sứ mệnh mà có một thông minh ở vũ trụ hiểu, hay có thể con người ta sống để làm trò du hí cho một vị thần tai ác ở tìm thú giải trí ! Mặc, tạo hóa là một quái tượng vì con người ta sống chơ vơ với những hoài nghi, những bất toại, đi một con đường không biết nguyên thủy từ đâu và dẫn đến đâu, đi trên con đường cát bụi ấy để làm gì, hay chỉ để nhọc nhằn và mang ít bụi trần vào xiêm áo ?

Đàn vịt kia không suy nghĩ, nó sống thân nhiên, không sung sướng mà cũng không đau khổ. Trước đàn vịt kia, tôi có những ý nghĩ phiền rối của loài người, và sự hăm hực của nhân loại hôm nay sống ở những hăm hực lặng yên của tôi bên cửa sổ.

Triết lý dọc đường

Bên vệ đường bao nhiêu cảnh tượng ! Người nhớn như hí hửng, người ử rũ buồn sầu. Người sóc áo chạy, vội vã hấp tấp, kẻ ung dung bề vệ trong giàu sang. Mồ hôi chảy trên lưng người gánh gồng, người kéo xe. Nét mặt răn reo thảm hại của người hành khất miệng luôn nói những lời van vỉ, tay luôn với giáng điệu cầu xin.

Ở đám người kia, văn chương, mỹ thuật và khoa học, và tất cả những cái gì ta cho là trêu tượng đẹp để nữa, còn có nghĩa lý gì ? Ôi ngóng đại của nhà thi sĩ muốn lời thơ của mình làm rung động tất cả các tâm hồn ! Gió chiều không lay động những lũy tre màu xám ở chân giòi. Bao nhiêu người sống lẫn với cỏ cây, với đất cát. Rồi một ngày kia họ vùi thân xuống đất cát không để lại một tiếng vang, một vết chân đi. Áo tưởng hết,

đến cả cái bất tử của nghệ sĩ.

Người ta đơn lẻ quá. Trong một tram người bộ hành đi qua, ai là người yêu tôi và tôi yêu ? Cái cười ngốc nghếch của những kẻ không biết nghĩ ngợi, cái eo sèo lỏi thối của những người đàn bà xấu xí, cái rộn rã vô ích của cuộc đời. Cuộc đời, một trò vô nghĩa. Một cuộc mùa may đáng tức cười. Trăm năm loay hoay tìm cách nuôi miệng, trăm năm phong trần. Vì ai là người sung sướng ở hạ giới ? Nước mắt của kẻ bị áp bức, nước mắt phẫn ly, nước mắt của đời khát, nước mắt của dục vọng không toại. Càng đọc sách, càng văn minh, càng thấy mình chơ vơ trong vũ trụ, cuộc nhân sinh nhọc nhằn vô lý.

Ta hãy dẫn nhau vào Yêu-Đương và Tin-Ngưỡng, mặc kệ cái hoài nghi của Vigny ! Ôi, yêu đương một phút, chia biệt muôn đời. Ôi tin tưởng ! lòng tôi đang tìm tin tưởng. Thời đại, nền nếp cũ, đâu tin ngưỡng, đâu tôn giáo, đâu cái sôi nổi, cái huyền bí của tha thiết cái ánh sáng trong thâm tâm khiến ta trông thấy Thượng Đế ?

Buồn, buồn thay. Buồn của thế hệ : bồng bột bị dẹp lặng, thiết tha bị xuôi xuôi. Lãnh đạm, thờ ơ. Vật Chất đè bẹp Tinh Thần, Ngu Xuân mĩa mai Tài-Hoa ! Thi sĩ buồn mùa thu. Chúng ta buồn cả bốn mùa. Chính phụ khóc ly biệt, chúng ta khóc những phân cách hàng ngày.

Cái vô bản ngã sao chật chội ! Ta muốn vung tay làm cho nó tan vỡ ra để tay ta vươn cao tới muốn tròng giòi biếc nhất một vì sao sáng đem ấp ủ vào trái tim. Gió thổi ở trên đường, nhựa sống sôi nổi ở lòng tôi. Âm nhạc của rừng xa đã nổi. Cỏ xanh, lúa xanh, tre xanh, đều đều phẳng phẳng... Làng mạc yên tĩnh dưới bóng chiều. Một điệu sáo diều cô diều như từ trên trời cao tán xuống, nhuần thấm vào mọi nơi, êm ru muôn vật, đẹp lặng những bản khoảnh, thì thầm cho ngọn cỏ, cho lá cây, cho những mái nhà tranh một triết lý quá giản dị về cuộc đời.

ĐINH GIA TRINH

MÃY ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ THẺ LỆ TRƯ

(bài nối) (1)

B) — Giá thuế văn tự

Ta đã biết qua những nguyên-tắc chính trong việc thu thuế, thì nếu biết qua các giá thuế ấn định cho mỗi thứ văn tự là bao nhiêu, ta có thể tính được số tiền thuế dễ lắm.

Như đã nói ở trên, vì luật-lệ đã định rằng cùng một thứ văn tự tiền thuế mà người Nam phải đóng không bao giờ được quá số tiền thuế định cho người Âu, nên muốn biết một bức văn tự phải đóng bao nhiêu tiền thuế, không những phải tính theo giá thuế ấn định cho người Nam, mà lại còn phải tính theo giá thuế ấn định cho người Âu, rồi lấy hai con số mà so sánh, con số nào bé nhất, tức là con số tiền thuế phải trả. Nếu hai số đều bằng nhau, thì không cần phải kén chọn gì nữa.

Vì lẽ ấy nên trong bản thống kê những giá thuế ấn định cho những thứ văn-tự thông thường dưới đây, có chép cả hai giá thuế định cho người Âu và cho người Nam, để chư đọc giả dễ so sánh ; và khi nào giá thuế ấn định cho người Nam hay là giá thuế ấn định cho người Âu hiển nhiên là có lợi hơn, thì có chưa ngay rằng phải tính theo giá thuế ấy.

Song phải nhớ rằng các giá thuế hay thay đổi, khi tăng lên khi giảm xuống, những giá thuế ghi trong những bản thống kê dưới đây chỉ là những giá hiện thời đang thi hành, chứ không phải là những giá thuế vĩnh-viễn.

Nhưng một khi đã ấn định ra, thì phải thi hành cho khắp các văn-tự. Bức văn-tự thuộc về loại gì thì phải chịu theo giá thuế đánh riêng cho loại ấy, không được vì một lẽ gì mà thay đổi.

Tuy nhiên nếu thi hành triệt để thẻ lệ ấy thì rất bất tiện cho việc thương mại. Khi buôn bán, làm giấy má với nhau, mua từng nghìn tấn gạo, bán từng trăm kiện vải, mà luôn luôn hàng ngày như thế, vậy mà đem giấy má ấy đi trước bạ lại phải trả thuế như các giấy má thường khác thì tổn kém cho các nhà buôn biết chừng nào. và sẽ có ảnh hưởng đến nền kinh tế như thế nào ! Vì vậy đối với những giấy má ấy phải đặt một chế độ thuế riêng.

Cho nên dưới đây ta phải xét trong hai đoạn.

1-) — Đoạn đầu xét về giá thuế ấn định cho các văn-tự của người Nam.

2-) — Đoạn thứ hai sẽ nói riêng về chế độ đặc biệt về thuế trước-bạ các giấy má trong việc thương mại.

1) GIÁ THUẾ TRƯỚC BẠ ẤN ĐỊNH CHO CÁC VĂN TỰ CỦA NGƯỜI NAM

Các thứ văn-tự, kể ra cho hết thì thực nhiều. Dưới đây chỉ kể những thứ văn-tự thông thường, những thứ ít dùng xin miễn cho khỏi rườm rà.

Những thứ văn tự có hạn lệ trước bạ, làm ngày nào thì phải theo giá thuế thi hành ngày hôm ấy. Thí dụ một bức văn tự mua nhà, mua ruộng làm ngày tháng 7 năm 1939 nay mới đem trước bạ, vẫn phải tính thuế theo ngày tháng ấy (nhưng phải phạt gấp đôi số tiền thuế lên).

Vì có nhiều văn tự đề quá hạn như thế, nên dưới đây có ghi các giá thuế cũ để khi muốn dùng đến cho tiện.

a) — Giá thuế ấn định cho các văn-tự có hạn lệ trước bạ làm trước ngày thi hành nghị-định 16 tháng 4 năm 1941. (đăng Quan báo Đông-dương ngày 19 tháng 4 năm 1941)

Những văn tự này hoàn toàn phải theo giá thuế định cho người Nam.

Tên các thứ văn tự	Giá thuế
—Mua bán, cầm cố, đổi t-ác, tặng d-ữ, các bất động sản	200\$ đầu : 2\$40·l. 800\$ sau : 4.80·l. 1000\$ sau nữa : 7.20·l. Từ 200. trở lên : 9.60·l.
—Văn tự <i>bổ mẹ chia của cải</i> cho các con. . . .	theo như trên
—Văn tự <i>chia bất động sản</i>	0.60·l.
—Thuê nhà.	0.60·l.

(1) Tiếp theo Thánh-Nghị số 11, tháng Avril 1942.

ỐC BẠ CÁC VĂN TỰ CỦA NGƯỜI NAM

PHẠM GIA KÍNH

B) — Giá thuế định cho các văn tự có hạn lệ trước bạ làm trước ngày mồng một tháng giêng năm 1942 và sau ngày thi hành nghị-định ngày 16 tháng tư năm 1941.

Từ ngày thi hành đạo nghị-định 16 tháng 4 năm 1941, văn tự của người Nam không được đánh thuế nặng hơn các văn tự của người Âu.

Tên các loại văn-tự	Giá thuế định cho :		Tiêu dẫn
	người Âu	người Nam	
Mua, bán, các bất động sản....	9\$60	200\$, đầu tiên tính 2\$40·l. 800\$, sau tính 4\$80·l. 1000\$, sau nữa tính 7\$20·l. Từ 2000\$, sắp lên : 9\$60·l.	Phải tính thuế theo giá thuế định cho người Nam.
Cầm, cố ruộng đất nhà cửa.....	1\$20·l.	như trên	Phải tính theo giá thuế định cho người Âu.
Văn tự <i>bổ mẹ chia của cải cho các con</i>	2\$40·l.	như trên	như trên
Cho các bất động sản. a) — <i>Bổ mẹ cho con, hay là vợ chồng cho nhau</i> : — trong hôn ước. . . . — ngoài hôn ước. . . . b) — Anh em chị em cho nhau : — trong hôn ước. . . . — ngoài hôn ước. . . . c) — Chú bác cô dì, hay người ngoài cho . . .	3\$60·l. 6·l. 8\$40·l. 10\$80·l. từ 12\$00·l. đến 20\$40·l.	— — — — —	Tính theo hai giá thuế, rồi so sánh, lấy số thuế ít nhất. Tính theo giá thuế định cho người Nam.
Đổi các bất động sản	Lấy giá tiền bất động sản bé nhất mà tính 4\$80·l. còn giá bất động sản lớn hơn bao nhiêu thì theo đó tính 9,60·l.	Lấy số tiền bất động sản to nhất mà tính theo như trên : 2,40·l., 4,80·l. v.v...	Tính theo hai lối rồi so sánh, lấy số thuế ít nhất.
Bán cửa hàng : Hàng hóa còn lại trong hiệu chỉ phải trả. Nếu trong văn tự khai rành từng thứ hàng giá là bao nhiêu tiền.	3\$60·l. 0\$60·l.		Hai giá thuế giống nhau.

C) — Giá thuế thi hành từ đầu năm 1942.

Những văn-tự có hạn lệ trước bạ, làm từ

ngày mồng một tháng giêng năm 1942, và các văn tự không có hạn lệ trước bạ đem duyệt sau ngày 31 tháng chạp năm 1941 phải chịu thuế theo những giá định như sau này :

Tên các loại văn-tự	Giá thuế định cho		Tiêu dẫn
	người Âu	người Nam	
I. — Bất động sản			
<i>Mua, bán các bất động sản.....</i>	10·l.	200\$ đầu tiên : 2,50·l. 800\$ sau : 5·l. 1000\$ sau nữa : 7,50·l. Từ 2001\$ sắp lên : 10·l.	Phải tính theo giá thuế định cho người Nam.
<i>Cầm, cố ruộng đất, nhà cửa....</i>	1,20·l.	—	Phải tính theo giá thuế định cho người Âu
<i>Văn tự bố mẹ chia của cải cho các con</i>	2,50·l.	—	—
<i>Cho các bất động sản.</i>			
<i>a) — Bố mẹ cho con, hay là vợ chồng cho nhau :</i>			
— trong hôn ước . . .	4·l.	—	Tính theo hai giá thuế rồi so sánh, lấy số thuế ít nhất.
— ngoài hôn ước . . .	6·l.	—	
<i>b) — Anh em chị em cho nhau :</i>			
— trong hôn ước . . .	8·l.	—	N như trên
— ngoài hôn ước . . .	10·l.	—	
<i>c) — Chú bác cô dì hay là người ngoài cho. . .</i>	12·l. đến 20·l.	—	Phải tính theo giá thuế định cho người Nam.
<i>Đổi lẫn cho nhau</i>			
<i>nhà cửa, đất cát, v.v...</i>	Bất động sản rẻ tiền nhất chịu 5·l. còn bất động sản kia đắt hơn bao nhiêu thì theo đấy mà tính 10·l.	Lấy số tiền bất động sản to nhất mà tính theo như trên : 2,50·l., 5·l., 7,50·l., và 10·l.	Tính theo hai lối rồi so sánh lấy số thuế ít nhất.
II. — Động sản			
<i>Bán lại cửa hàng</i>	3,50·l.	3,50·l.	Giá thuế bằng nhau, không cần phải so sánh.
<i>Hàng hóa còn lại trong hiệu chỉ phải trả có</i>	0,60·l.	0,60·l.	
<i>Bán</i>	3,50·l.	2,50·l.	Phải tính theo giá thuế định cho người Nam.
<i>Cho</i>	linh tinh	2,50·l.	
<i>Đổi trác.</i>	3,50·l.	2,50·l.	Phải tính theo giá thuế định cho người Âu.
<i>Cầm cố.</i>	1,20·l.	2,50·l.	
<i>Ban thuyền, trâu, bò, ngựa.....</i>	3,50·l. hay là 10·l.	1,20·l.	Phải tính theo giá thuế định cho người Nam.
III. — Linh-tinh.			
<i>Lập hội.</i>	0,30·l.	0,30·l.	Giá thuế bằng nhau không cần phải so sánh.
<i>Vay nợ gán nợ.</i>	1,20·l.	1,20·l.	
<i>Thuê nhà</i>	0,60·l.	0,60·l.	Phải tính theo giá thuế định cho người Nam.
<i>Chia.</i>	0,60·l.	0,60·l.	
<i>Biên lai, bầu chủ v.v... . . .</i>	0,60·l.	0,60·l.	
IV. Thuế lệ nhất định	1\$80	1\$50	Phải tính theo giá thuế định cho người Nam.

CHIẾC GẠCH-NỎI GIỮA HỌ VÀ TÊN...

(Tiếp theo trang 10)

chữ « văn » sẽ viết theo lối thường và người ta sẽ không dùng một gạch nối nào hết :

Hoàng văn Giáp.

Những cách viết đó là tùy theo ý nghĩa của người đặt tên hay người có tên (4). Vậy đối với tên họ có ba tiếng của một người ta không quen rõ cách viết, nhất là đối với những *nhân vật lịch sử đã khuất*, tốt hơn hết là coi tiếng đứng giữa là một tiếng đệm mà viết :

Nguyễn văn Thành

Hoàng đình Bảo

Hoàng ngũ Phúc

(4) Gần đây ta thấy có nhiều họ-tên có đến bốn tiếng, nhất là tên phụ nữ. Những định-lệ ta đã thấy ở trên sẽ giúp ta viết các tên họ đó một cách hợp lý hơn :

Hoàng thị Ngọc-Lan

- Tôn-nữ Hoài Nam

- Nguyễn-Trần Việt-Anh. v. v.

(chỉ dùng gạch nối giữa họ và tên kép, không được dùng gạch-nối giữa họ và tên, cùng trước hay sau một chữ đệm).

trừ một vài trường hợp rất hiếm mà họ kép hay tên kép thật là rành rọt :

Vũ-Phạm Hàm

Tôn-hất Thuyết

Trần Hi-Tăng

Tổ-như.

...

Đề kết thúc bài này chúng tôi phải tự nhận rằng điều xét luận trên không khỏi quá tỉ mỉ, có nhiều người sẽ bảo là nhỏ nhen nữa. Nhưng lẽ phải muốn rằng chúng ta phải động lại lối viết cầu thả thông thường, nó tổ-cáo một tri nghĩ dễ dãi lười biếng, đi theo cái trào lưu ồ ạt của quần chúng mà không suy xét. Lịch-sử ngôn-ngữ cho ta thấy rằng một tiếng nói càng tiến hóa nhiều, càng tinh vi bấy nhiêu. Và cái đặc-điểm của sự tiến bộ về tri-thức chính là khối óc phê phán, biết nhận xét suy lý từng động tác của mình, dù rất là nhỏ mọn tầm thường.

TẢO TRANG

CÁC NGÀI LƯU Ý TRONG LÚC

Dùng chè ĐỒNG-LƯƠNG

Chúng tôi nhận được thư của nhiều bạn hàng và các nhà sành trà bảo cho chúng tôi biết hiện nay có rất nhiều thứ chè làm giống như chè ĐỒNG-LƯƠNG và có nhiều kẻ tự xưng là người của hiệu ĐỒNG-LƯƠNG mang những thứ chè rất xấu đó đi bán rao khắp nơi nữa.

Vậy chúng tôi xin nhắc đề các bạn hàng yêu quý của chè ĐỒNG-LƯƠNG rõ: TỪ 20 NĂM NAY CHÈ ĐỒNG-LƯƠNG KHÔNG BAO GIỜ CHO ĐEM ĐI BÁN RAO NHƯ VẬY.

Và trong lúc chúng tôi nhờ pháp luật dò xét trừng trị bọn vô lương tâm đó, chúng tôi ước mong các ngài nếu thấy một kẻ nào mạo nhận là người của chúng tôi cho đi bán rao trà thì xin vạch rõ cách hành động dè hèn của chúng trước quốc dân để trừ diệt những kẻ khốn nạn dùng lối cạnh tranh hèn mạt, ngu dại làm phi tiếng hàng nổi hóa và làm cản trở sự tiến bộ của nền công nghệ Việt-Nam. Chúng tôi lại mong các ngài mỗi khi mua trà xin đến thẳng Tổng-cục chè ĐỒNG-LƯƠNG ở số nhà 40 PHỐ HÀNG NGANG HÀ NỘI hoặc các Đại-lý chè ĐỒNG-LƯƠNG ở khắp các tỉnh thì sẽ không bị nhầm và bị lừa dối.

CHÈ ĐỒNG - LƯƠNG kính cáo

CÁI ĐẸP TRONG TRANH

TÔ NGỌC VÂN

L. T. S. — Trong mục « đề gắn hội họa » họa-sĩ Tô Ngọc Vân có ý giảng giải những sự sai lầm của công-chúng trong phạm vi nghệ-thuật. Sau đó sẽ đối chiếu hội-họa phương Tây với hội-họa Á-Đông, rồi lược khảo đến hội-họa Việt-Nam từ lúc bán khai tới giờ. Sau rốt đến sự Âu-hóa trong hội-họa Việt-Nam và tương lai của nó.

KỶ Triều lăm tranh dầu Nhật ở Hanoi trước đây mấy tháng, có bày một bức họa người đàn bà Khoả Thân, màu nâu dịu dịu, hơi hoen sanh và hồng, rung cảm một không khí buồn êm thấm thía. Tôi thấy tác phẩm « Đẹp » và ngổ cảm tưởng ấy cùng bạn tôi cũng đến thưởng thức họa phẩm, song là một văn sĩ không quen nghề họa của chúng tôi mấy. Bạn tôi chê bức tranh xấu. Phân tách cảm giác của bạn, hai tôi nhận ra rằng bạn thấy xấu ở chỗ người đàn bà hình dung trên tranh có cặp mắt to quá, cái mũi thì dịu lại, còn cái môi lại vều ra.

Biết bao nhiêu người trong công chúng ta, hoặc đã thưởng thức sai lạc hay chỉ trích nhầm đường như bạn tôi chỉ vì đã lẫn cái « đẹp » ở trong tranh với cái Đẹp ở ngoài đời ! Người đi xem tranh tả thiếu nữ mà khó tính như đi xem mặt hỏi vợ thì cũng có một đôi khi vừa lòng, nhưng phần nhiều bị thất vọng. Cái Đẹp ở ngoài đời, tôi muốn nói cái Đẹp mọi người đời công nhận — cũng một đôi khi là cái « Đẹp » trong tranh. Thí dụ : một thiếu nữ người đời cho là Đẹp điển tả trên họa phẩm tuyệt tác, những đàn bà của họa sĩ Raphaël (1) chẳng hạn.

Song một phần lớn, nhân vật của những họa-sĩ đại tài không phải là những người mà công chúng hay cả đến nhà mỹ-thuật nhận là Đẹp. Còn có tai nạn nào lớn hơn cho Matisse (2) là phải ôm ấp những đàn bà họa-sĩ đã tởm, những khuôn mặt siêu vẹo như sau một tai nạn ô tở ! Còn cái khổ nào to hơn cho Raoult (3) nếu phải âu yếm những phụ-nữ mình đã sáng tạo với hình giáng ngáo ộp như đề dọa người nhát tính !

Vậy mà những nghệ-sĩ ấy vẫn yêu, vẫn thấy « Đẹp » những nhân vật ấy, yêu theo lòng yêu của nhà mỹ-thuật, chứ không thiên theo quan niệm cái Đẹp ở ngoài đời. Gặp họ ở ngoài đời, chắc nghệ-sĩ không có can đảm đem họ về làm vợ, nhưng trong thế-giới mỹ-thuật riêng của nghệ-sĩ, đó là người đàn bà kiều mẫu, người đàn bà lý-tưởng. Bởi những duyên cớ mỹ-thuật. Bởi những hình, những sắc, người đàn bà lý-tưởng đã bày, đã giải rác trên họa phẩm để tạo lên những không khí về sắc, về hình mà nghệ-sĩ muốn có.

Cái bí quyết của nghệ thuật bức họa là ở sắc với hình, sao chúng ta lại không chỉ dựa vào hình và sắc mà phán đoán một bức tranh. Người đàn bà Đẹp hay người đàn bà Xấu có mặt ở trên bức tranh là vì những cớ về sắc về hình, chứ không phải vì người đời đã thấy họ Đẹp hay Xấu.

Suy từ người cho đến phong cảnh hay vật gì tả trong tranh cũng vẫn thế. Trông cái áo đẹp mới may, hay một toà nhà lộng lẫy, hay một cái mũ cánh chuồn vị tất họa-sĩ đã thấy nguồn hứng cảm mãnh liệt như khi trông cái áo nâu vá, chiếc nhà danh siêu lệch, hay cái nón rách của người ăn mày.

Nói tóm lại, nghệ-sĩ đánh giá nhân vật cân nhắc cái Đẹp của nó theo phẩm lượng về sắc với hình.

Cái « Đẹp » ở trong tranh, vì thế, ít khi là cái Đẹp ở ngoài đời.

TÔ NGỌC VÂN

(1) Người Ý hồi mỹ-thuật Phục Hưng.

(2) Họa-sĩ Pháp hiện thời.

(3) Họa-sĩ Pháp hiện thời.

NÓI TRUYỆN THƠ' NHÂN QUYỀN...

(Tiếp theo trang 8)

Cố chấp cứ quyết giữ lấy cái căn bản, cái tinh cách Việt Nam và hiềm thù những ảnh hưởng ngoại quốc, thì thực là một thái độ vô ý thức, cản trở cho sự tiến hóa và đi ngược lại với các luật lệ của lịch sử tinh thần nhân loại. Cái tinh thần Việt Nam cổ nhiên là ta nên gìn giữ, nhưng lẽ nào ta cứ cam chịu nghèo nàn không tìm cách thoát ra khỏi cái tinh thần ấy để cảm súc, tư tưởng một cách rộng rãi và mới mẻ hơn? Và lại các nhà thơ chịu ảnh hưởng ngoại quốc có phải là chỉ bắt chước người một cách vô ý thức, diễn tả những tình cảm họ không sống, những ý họ không tư tưởng đâu?

Người ta rất có thể chịu một ảnh hưởng ngoại quốc mà vẫn rất thành thực. Khi Xuân Diệu tả cái thiết tha, cái ham sống của tuổi trẻ trong thơ của ông, ta có thể nói cái tha thiết ấy ông đã cảm thấy ở thơ Pháp mà ông đọc nhiều, nhưng ta cũng có thể nói rằng ông là một tâm hồn thanh niên thành thực tha thiết như vậy. « *Ảnh hưởng chẳng tạo gì cả, nó chỉ đánh thức giấy* » lời ấy của Gide thật là chí lý. Và khi ta đã tha thiết, mặc dầu có một ngọn gió phương xa tới khuấy động những tình tha thiết ấy giấy, ta há lại chẳng nói được rằng cái tha thiết ấy là của ta và cũng có tinh cách Việt Nam ư? Linh hồn của một nước phải đâu đơn giản như nhiều người thường tưởng. Hồn của Việt Nam có thể ở những câu ca dao hát trên bờ ruộng, nhưng sao lại không có thể ở cả cái bông bột của một tấm lòng thanh niên trước cuộc đời?

Trong khoảng có ít năm, thơ của ta đi từ lãng mạn đến trọng trung mà đến cả cái bậc tiến hóa quá khích nhất của phái tượng trưng là « *thơ tối tăm* » (poésie hermétique). Cái lãng mạn (quý giá hoặc nhàm rẻ), ta thấy đầy rẫy trong những khúc than, những giọng lè « *thăm ướt khăn hồng* » (Ng. Bình — Thư cho chị). Thêm vào cái lãng mạn của Tây Phương lại có cái lãng mạn khúc hoa lè rụng mang lại bởi những truyện của Lữ Lữ Á, ảnh hưởng của lãng mạn vì thế lại thêm một sức mạnh nữa. Muốn đi quá cả cái tượng trưng thông thường còn vụ sáng sửa, mấy ông Ng. Xuân-Sanh và Phạm văn Hạnh muốn đặt tới một

nghệ thuật tương tự như của Mallarmé và Valéry, làm những bài thơ tối tăm khó hiểu. Người ta xưa nay vẫn quen dùng lý trí để đọc thơ. Không hiểu thơ nghĩa là lý trí chẳng nhận rõ manh mối và sự liên lạc của tư tưởng tinh thần diễn trong bài thơ. Nhưng theo mấy tác giả trên người ta không nên nói « *hiệu thơ* » nên nói « *cảm thơ* », nghĩa là người ta phải đọc thơ bằng linh cảm, tiếp xúc thẳng với cái nguồn tinh của thi sĩ. Lý trí suy hiểu để cho văn, trực giác để cho thơ (Paul Valéry viết văn xuôi trong trẻo và sáng sửa vô cùng, viết thơ khó hiểu).

Nhưng có lẽ ở xứ ta một thí nghiệm nhu của hai ông Ng. Xuân-Sanh và Phạm văn Hạnh sớm quá và không thể gặp được nhiều độc giả tán thành. Đồng Phương vội vã quá để gặp bước theo Tây Phương, trong khi những điều kiện khác của sự sống không biến đổi gấp nhanh cùng một nhịp. Ở Tây Phương nếu có một nền thơ tượng trưng, thì cũng lại có một nền âm nhạc tượng trưng, một khoa hội họa tượng trưng. Các ngành nghệ thuật khác cũng đều biến đổi theo một hướng. Ở xứ ta những điều kiện ấy thiếu hẳn vì vậy nghệ thuật của một ông Ng. Xuân-Sanh vẫn được ít người hiểu và thưởng thức.

Thi đàn Việt Nam trong mấy năm gần đây thực đã thấy một hoạt động đáng chú ý. Sự gặp gỡ Tây Phương là một hiện tượng lớn và quan trọng bậc nhất trong lịch sử văn chương và nghệ thuật nước ta. Ở sự gặp gỡ ấy tất nhiên cái nền tảng thơ cũ phải bị lung lay. Tinh cảm mới cần phải diễn trong những khuôn khổ mới. Người ta có thể gò một vài lời than nhẹ nhàng vài lời tâm sự bình thản vào trong khuôn khổ nhỏ hẹp một bài thất ngôn bát cú, nhưng đến lúc lòng yêu người ta bùng bột và rồi rào quá, lúc hoài vọng của người ta rộng rãi, bao la và phiến phức, và khi cái « *tôi* » đã được giải phóng thì người ta ở yên sao được trong lẽ lối nghệ thuật cũ! Áo của tổ tiên ta để lại chật quá, ta phai may áo mới, đó có phải đầu là vong ban, là phụ bạc?

Một vài thiên tài trong thế kỷ sẽ chứng rằng cái áo mới ấy rất đẹp và thích hợp với những nhu cầu mới của thời đại mới.

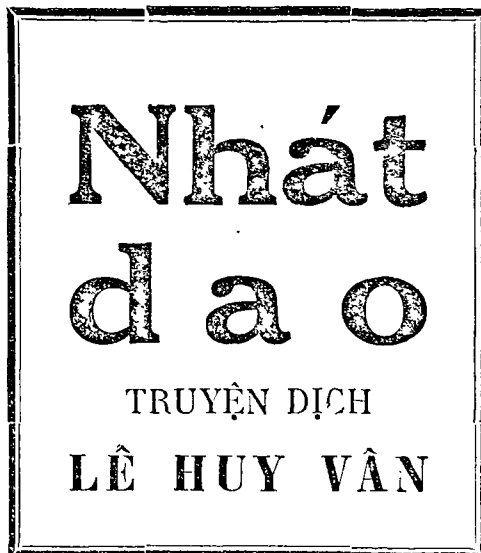
DIỆU-ANH

NGHE tiếng khoá vắn,
cửa khép, Mai thở
dài khoan khoái : thế là
Cúc đã về, lũ trẻ chẳng
phải nằm một mình nữa ;
Mai không còn phải nằm
mở mat, nghe ngóng tiếng
ho, tiếng thở dài, tiếng nói
mê lảm nhảm của các con
đang ngủ. Bây giờ thì có
thể yên giấc được rồi. Mai
tìm chỗ mát nhất trên
giường : góc giường xó
tường, gần cửa sổ mở. Ánh
trắng chiếu lên mặt sàn và
chiếc áo vắt ở thành ghế.

Nhưng tai nghe của Mai vẫn nghe thấy tiếng thở của chàng không nồng như chiếc lò sưởi thì có lẽ chàng rất lo sợ vì yên lặng quá ; thường ngày khi ngủ, Tường hay nói từng hồi dài rất to. Có lẽ chàng không ngủ ? Nàng hỏi khẽ : « Anh ngủ rồi à ? » Không có tiếng trả lời ; phải bảo chàng đi khám thầy thuốc mới xong. Mai không hiểu tại sao mình lo ngại : đành rằng Tường không thích xuống về của chàng như xưa nữa ; sáng nay chàng vừa đuổi người đứng làm kiểu mẫu ; không bao giờ chàng lại ra về bờ hững hờ với công việc như năm nay, tuy bọn lái tranh vẫn hỏi mua luôn luôn. Con chàng làm chàng chán nản, bạn làm chàng khó chịu. Mai nghĩ thầm : « Đối với ta, chàng vẫn thế... có thật vẫn thế không ? Có lẽ, vì quen một chút... »

Nàng lắc đầu để xua một ý nghĩ như để xua con ruồi : « Quá nửa đêm rồi ! Ngày mai, mình phải dậy sớm bây giờ để trông cho Tân tập võ. Thôi ngủ đi ».

Tiếng còi ô-tô ầm ỉ ngoài đường vẫn đề cho Mai nghe rõ tiếng đồng hồ quả quyết như lúc nghe mạch đứa con ốm. Tường giờ mình nằm giữa, không một tiếng thở dài. Chiếc nệm đóng khuôn lấy thân hình to lớn, yên lặng ; đó là hình ảnh của xác thịt con người ta một ngày về sau này... Mai cho rằng mất ngủ cũng chẳng cần gì nếu trong lúc thao thức không phải vợ vẫn nghĩ đến cái chết, nghĩ mà không cưỡng được. Không phải cái chết của nàng vì nàng chỉ là một người đàn bà tầm thường, vô ích cho mọi người (trừ đối với lũ trẻ ; mà ngay đối với chúng, chúng cũng sắp nhón cả rồi) ; nhưng, Tường, một ngày kia mà chỉ còn là một xác chết cứng đờ, lạnh ngắt !.. Nghĩ như thế cũng đủ làm cho Mai phai nghiêng rằng : không được chết trước chồng sợ biết bao ! Nhưng nếu nàng chết trước thì có lẽ một người đàn bà khác... Mai lại lắc đầu, lẩm nhẩm : « Thôi ngủ, thôi ngủ... »



Rồi nàng để tay mình vào tay chồng như để xua đuổi một ý tưởng ghê sợ, Bàn tay đó không phải là bàn tay chết của một người ngủ : Mai thấy bàn tay đó nắm lấy tay mình thật chặt rồi ngay cùng một lúc ngực chàng trước kia yên lặng bỗng phập phồng trước còn từ từ sau càng ngày càng nhanh rồi cả thân thể to lớn đó bỗng chốc run lên.

— Tường ! Anh làm sao vậy ?

Mai trước còn tưởng tượng có điều gì ghê gớm,

chồng bị bạo bệnh chăng. Nàng tìm đèn mà không với đến chỗ bật đèn. Rồi chiếc chao vải thu gọn ánh sáng vào cốc nước đầy. Nhưng thân thể như bị đau đớn lạ lùng, vẫn nằm trong bóng tối. Mai cúi xuống sợ hãi, lấy tay để lên mặt chồng đang quay vào tường, lúc rút ra tay ướt cả.

— Anh khóc à, anh Tường ?

Quỳ trên giường, ngạc nhiên, nàng nhìn ngực chồng hờn hên. Đã mười lăm năm nay, từ ngày làm vợ Tường, nàng đã thấy chàng khóc bao giờ đâu ? Ngay hồi chiến tranh, hết hạn nghỉ phép phải từ giả ra đi cũng thế. Chàng vốn ý tứ, kín đáo, đến nỗi người ta cho là vô tình kia mà ! Chính nàng vẫn thường phàn nàn về chuyện đó.. Mai luồn một cánh tay xuống dưới đầu chồng nặng nề, ghì vào vai như ôm một đứa con đau khổ, cho đến khi người đàn ông bốn mươi chín tuổi đó phải nức nở khóc to. Mai nhắc lại : « Gì vậy anh ? » Nàng thấy yên lòng một chút vì không phải chồng mắc bệnh mà rệu vì buồn bực thì dù buồn bực vì lẽ gì nàng cũng không lo. Lòng hơi ngai ngại, Mai để ý xem xét nét mặt mới lạ của chồng đang khóc : một vẻ mặt trẻ con, mặt của một đứa con nàng ; Tự nhiên những câu nói nàng có thể nói được với Tân hay Kim bật ra : « Khóc đi, anh hãy cứ khóc đi, chốc nữa rồi anh hãy nói ».

Lúc đó chàng mới lẩm nhẩm : « Tôi ngu ngốc quá, mợ ạ. Có chuyện gì đâu Tôi thật xấu hổ, nếu mợ biết hết nông nổi ! Tôi không ngờ. Chỉ vì mợ nắm lấy tay tôi trong bóng tối... ».

Như một anh thợ lặn nhô lên mặt nước, Tường hít không khí :

— Thấy dễ chịu lắm rồi, phải ngủ đi, Mai ạ ; mợ phải quên đi ; không có chi là quan hệ sát, tôi thề với mợ như thế !

Mai vẫn giữ đầu chồng trên vai, để chàng tưởng trong bụng nàng đang bồi hồi như lúc nãy mà ngủ được ư ?

— Tôi nhắc lại lần nữa : không có chi là quan hệ cả. Nhất là đối với mẹ, tôi không thể nói được.

Mai biết rằng Tường muốn thổ lộ nỗi lòng ; chàng khó khăn mới giữ được câu chuyện trên vành môi. Nàng không còn ngờ gì nữa : câu chuyện tâm sự tất là ghê gớm ; quay về phía ngọn đèn có thể đến được, nàng nhắc lại một câu nàng hay dùng trong những lúc này : « Anh vẫn biết rằng anh có thể nói hết các chuyện với em được cơ mà ».

Tường chống cự rất uể oải ; chàng bảo vợ rằng Mai bắt chợt mình giữa lúc không có khí giới để chống lại, làm mỗi cho đau khổ. Nhưng ngay lúc đó câu chàng nói đã là một nhời thú nhận.

— Không có gì cả, Mai ạ. Dữ dội quá nên không lâu được. Tôi thấy tôi đau đớn nhiều nên rất yên lòng ; chỉ còn nắm chặt tay lại mà đợi.

— Này anh...

Mai muốn hỏi : « Có phải một người đàn bà mà em quen không ? » nhưng nàng ngừng lại và nâng niu chông. Tường nói :

— Tôi thấy dễ chịu lắm rồi. Thật không ngờ đau khổ vì một người đàn bà mà lại thành ra đau đớn về xác thịt. Tôi có thể nói rõ chỗ tôi đau ; đây này...

Tường cầm tay vợ để vào ngực.

— Tôi đau ở đây.

Bây giờ thì Mai yên lòng : chàng sẽ nói, nói không ngừng chàng sẽ gọi hình ảnh, tấm thân người yêu.

Nói để cho người đi sao chàng không nói ? Vả lại có thể nói rõ cả cho Mai nghe kia mà : « Anh có thể nói rõ được cả cho em nghe ; tình em rất lạ, em có thể hiểu được hết ».

Vì nàng phải mớm nhời cho Tường nói, Mai ngạc nhiên sao một người như chàng mà vì một con đàn bà lẳng lơ, thô tục phải đau khổ. Chàng giả nhời rằng người chàng yêu trong tâm hồn không có một chút chi là kiêu cách ; người đó chỉ cần làm cho chàng sung sướng.

— Được người như thế hiếm lắm, Mai ạ : một người đàn bà dấn dỉ, dấn dỉ như Mai vậy ; nàng khéo ăn đi đến nỗi mấy năm giờ ở cạnh nàng, ngày nào cũng nói với nàng mà không đề ý đến

nàng. Thường thường chỉ gặp người ta một lần là đề ý thế mà lạ quá bao nhiêu năm nay tôi vẫn không nhận thấy nàng. Vặt chốc nàng đối với tôi thành có một giá trị riêng, to lớn vô cùng, có thể che hết mọi việc ở đời, dầy vào cõi hư vô tất cả những điều mình tư tưởng từ trước ! Mai làm sao vậy, Mai ?

— Không có gì đâu, em rùng mình.

— Trong lúc chưa yêu, mới hơi đề ý đến thì con người lúc đó không biết có phải vẫn là người ngày nay làm tôi đau khổ không ?

— Em biết là ai rồi...

— Mẹ đoán được à ?

— Em không muốn nói tên.

— Thế thật, Mai ạ, từ lâu nàng đã tìm cách chiếm đoạt lòng tôi ; nàng kinh phục, yêu mến tôi quá mà tôi không đề ý đến, rồi một buổi tôi nhận ra rằng nàng nhu mì quá nhưng tôi vẫn thần nhiên ! Tôi không nghĩ ngay rằng tôi phải đề phòng : tôi thì chỉ vài tháng nữa là ăn thọ năm mươi rồi mà nàng mới có hăm bốn tuổi ! Tôi với nàng mà còn âu yếm nhau thì có ai ngờ được ? Một buổi tối, nàng hôn tôi một cách tự nhiên làm cho tôi như bị xét đánh... Phải, ở chỗ góc vườn hoa, sau phố Mariguy... Phải, như xét đánh Xướng hay đau ? vừa đau vừa xướng ; xướng mà xướng vô hi vọng. Da mặt rần reo, trán hói thối này mà còn phải yêu... Nhưng tôi kể những gì cho mẹ nghe từ nãy đến giờ ? May mà mẹ là người biết điều không lấy câu chuyện làm quan trọng.

Mai nói : « Phải... phải... » hai tiếng nhỏ. Rồi im lặng một lát :

— Anh vẫn biết anh có thể nói rõ cả cho em nghe. Mà anh không nói với Mai thì còn nói với ai được. Bây giờ thì em yên lòng rồi : cái người ấy không thể cưỡng chiếm ông anh lâu được nữa...

Mà thật, ngay buổi đầu, Mai đã biết rõ con Trinh rồi (vì tất chỉ có Trinh thôi), một con đàn bà cứ thỉnh thoảng lại bỏ nhà, bỏ chồng còn trẻ đang bận công ăn việc làm, bỏ đứa con lên ba để lên lập nghiệp ở Ba-Lê..

— Thế mà chính anh, anh vẫn bảo rằng những bức vẽ của nó chẳng ra gì cả kia mà.

(Còn nữa)

LÊ HUY VÂN

Thông chế PÉTAIN đã nói :

« Trợ lực Tờ-quốc tức là tin cậy Tờ-quốc, tức là luôn nhớ đến Tờ-quốc tự ý-nghĩ đến lời nói cho lợi việc làm tức là không nhận điều gì, không nói điều gì, không làm điều gì có thể phương hại đến Tờ-quốc ».

**Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó
sẽ thành sự thực nếu các
ngài bỏ 1\$ 00 mua**

VÉ SỔ SỐ ĐÔNG-DƯƠNG

VIỆC QUỐC TẾ

EO BÊ DARDANELLES VÀ MIỀN DẦU HỎA CAUCASE

Quân Đức đã tới miền dầu hỏa Caucase. — Thủy quân Nhật đại thắng gần quần đảo Salomon. — Tình hình nội trị ở Ấn-Độ rất căng — Phi cơ Tàu ném bom xuống Haiphong.

Eo bể Dardanelles.

Eo bể Dardan lles (cùng với eo bể Bosphore) làm thông bể Hắc-hải với bể Egée là con đường ra Địa-trung-hải và bờ biển Âu-châu của các dân tộc Á-đông. Nó là một trong những yếu-diểm dụng binh cầm đầu những con đường giao thông to lớn trên hoàn cầu mà sự chiếm đoạt được là điều kiện của một nền bá chủ trên mặt bể và cả thế-giới.

Vì vậy tuy eo bể Dardanelles thuộc địa-phận nước Thổ-nhĩ-ký, các cường quốc đã dồn nhiều công phu để làm nơi đó thành một nơi thuộc quyền quốc-tế hay ít ra thì cũng giữ địa vị trung lập.

Riêng đối với hai nước Nga và Anh, nó đã gây nhiều cuộc xô sát vì quyền lợi tương phản: Nó là cái cửa ra bể độc nhất của Nga về miền Nam mà cũng là chìa khóa của con đường nối Đảo-quốc với xứ Ấn-Độ. Nga thì muốn chỉ mình có thể mang tàu chiến qua lại được, còn Anh thì muốn hoặc Eo biển phải mở cho tàu chiến của tất cả các nước, hoặc nếu đóng thì phải đóng đối với mọi nước cả với nước Nga.

Vào đầu thế-kỷ thứ 19, khi Nga-hoàng Pierre le Grand đã chiếm được bể Azov và bờ biển Hắc-hải, thì tất nhiên nghĩ ngay đến con đường thoát ra Địa-trung-hải. Năm 1833, một hiệp ước đã ký giữa Nga và Thổ, bó buộc Thổ phải « hạn chế sự hành động theo một chiều có lợi cho chính-phủ Nga-hoàng, nghĩa là phải đóng cửa eo bể Dardanelles không cho một tàu chiến nào vào được Hắc-hải ». Nước Thổ thành chỉ làm việc giữ cửa cho Nga-Hoàng.

Hiệp ước đó làm 'o ngại Đảo-quốc, nên tới năm 1840 sau cuộc vận động của Anh, Thổ ký hiệp ước Londres và cam đoan đóng cửa Eo biển không cho tàu chiến của bất cứ nước nào qua lại. Anh muốn giam hãm Nga trong Hắc-hải. Năm 1904, Nga không mang được hạm đội ra để đưa sang đánh Nhật.

Trong cuộc Âu-chiến 1914 quy pháp Eo biển bị nước Đức xâm phạm đồng mưu với Thổ. Hai tuần-dương-hạm Đức Goeben và Breslau bị hạm đội Anh đuổi đã chạy qua eo biển Dardanelles. Thổ lấy cớ là đã mua lại của Đức những chiến hạm đó. Cuối năm ấy Thổ vào phe với Đức thì hiệp ước 1840 tất nhiên không còn giá trị nữa.

(Xem tiếp kỳ sau)

Dầu hỏa trong miền Caucase.

Các mỏ dầu hỏa ở xung quanh dãy núi Caucase phía bắc: trong bán đảo Taman, ở các khu Maikop, Grosnyi; phía nam: gần Elizavetpol và ở khu chạy dài từ Chemakha đến Bakou. Ở vùng có dầu hỏa, có những dấu hiệu đặc biệt: những làn hơi tỏa ra với một ngọn « lửa bất diệt »; những hỏa diệm sơn phun bùn vì dầu hỏa tóe qua những lỗ hổng thông ra ngoài, những vũng hình chiếc phễu trong đó bùn sôi sùng sục.

Những mỏ dầu này còn chưa khai được mấy ở miền tây trong khu Maikop và bán đảo Taman. Công cuộc khai khẩn tập trung ở miền đông: Grosnyi và nhất là ở miền Bakou.

Grosnyi, phía bắc núi Caucase, trong dọc sông Soundja, chỉ lưu sông Terek đang tiến bộ gập. Số dầu khai được gần bằng một nửa số dầu ở Bakou.

Người ta đã làm một ống dẫn dầu hỏa dài 618 cây số đi từ Grosnyi đến Touapsé trên bờ Hắc-hải, ở đó có những nhà chứa và nhà máy lọc dầu.

Nhưng việc khai khẩn vĩ đại nhất ở Bakou và bán đảo Apchéron.

Bakou xưa kia là một thương cảng quan trọng nhất trong bể Caspienne, từ thượng cổ đã dùng làm đầu con đường giao thông tới miền Trung-Á, cho đến khi lập xong con đường xe lửa Orenbourg — Tachkent. Bây giờ Bakou chỉ giao thông với

những vùng bờ biển miền nam bẽ Caspienne, nhưng trái lại, vì có những mỏ dầu hỏa, đã thành một tỉnh kỹ nghệ rất lớn.

Những giếng dầu hỏa đào ở phía bắc và phía đông cách tỉnh chừng 14 cây số thành những rừng tháp bằng gỗ có khi bị nổ tung vì những suối dầu hỏa bắn lên, với đá và cát cao tới 100 thước làm tràn ngập cả những vùng lân cận và gây những đám cháy khổng lồ.

Công việc của tỉnh Bakou là cất dầu sống khai ở mỏ xung quanh thành dầu hỏa và các chất phụ; có những ống bằng gang dẫn dầu đến những nhà máy cất ở một khu kỹ nghệ lập cách tỉnh Bakou cũ 3 cây số: Tcherná — Gorod một tỉnh đen ngòm sắc những mùi dầu sống. Với một dân số tất cả 702.000 người, Bakou là tỉnh thứ ba to nhất ở Nga. Năm 1879, dân số có 15.000. Bành trướng mạnh như vậy là nhờ ở kỹ nghệ dầu hỏa; năm 1872, khai được 25.000 tấn; năm 1883: 900.000 tấn; năm 1935: 19.340.000 tấn.

Kỹ nghệ đồ sộ đó đã ảnh hưởng đến cả vùng xung quanh và cả toàn thể miền Caucase. Vì chính đề xuất cảng những sản phẩm của bán đảo Ap chéron mà người ta đã làm con đường xe lửa cùng với hai đường ngầm dẫn dầu từ Bakou đến Batoum, dài 890 cây số. Batoum là một thương cảng ở Hắc-hải và một tỉnh kỹ nghệ dầu hỏa có thể

tương đương với Bakou. Một ống dẫn dầu đã đặt từ Bakou đến Armavir ở đó một nhánh đi tới Rostov một nhánh tới Touapséqua Maikop.

Lại chính vì đề vận tải dầu hỏa vào đất Nga mà con đường xe lửa nối Mầu quốc với miền Caucase từ Rostov đã quặt theo nẻo Derbent và Bakou (qua Armavir, Grosnyi) chứ không xuyên ngang giải núi Caucase. Những đường nhánh nối Armavir với Maikop và Touapsé cùng đi tới Krasnodar và Novorossiisk.

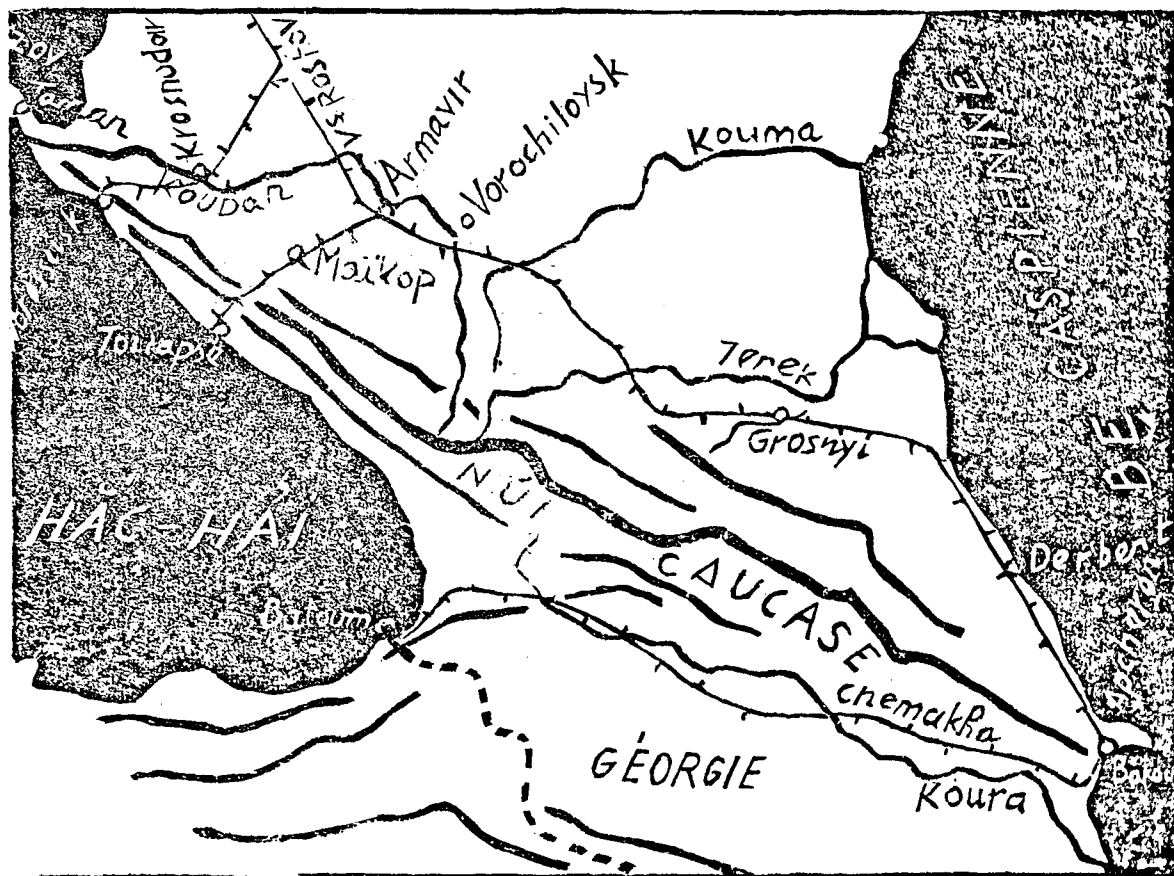
Nước Nga, năm, 1936 — 37 sản xuất được gần 28 triệu tấn dầu, 12,6 ٪ số dầu sản xuất trên thế-giới đứng vào hàng thứ hai trong các nước sản xuất dầu, sau Mỹ (173 triệu tấn, 63,81 ٪ số dầu của thế giới).

Nga còn mỏ dầu hỏa ở Oural, Turkestan russe và Sakhaline. Nhưng 90 ٪ số dầu sản xuất là do miền Caucase mà riêng miền Bakou sản xuất được 3 phần tư số dầu của cả nước Nga.

Số dầu còn khai khẩn được ở Nga dự tính là 855 triệu tấn (32 năm nữa) ở Mỹ còn: 2.100 triệu tấn.

Những con số mới nhất như sau, do hãng thông tin Ofi cho biết:

Hiện nay Nga sản xuất được mỗi năm 34 triệu tấn: riêng Bakou 22 triệu; — Grosnyi: từ 3 đến 4 triệu, Maikop 1 triệu rưỡi. Những con số này không chắc đúng.



MIỀN DẦU HỎA CAUCASE

Mặt trận Nga.

Ở Ai Cập, quân Đức và Anh vẫn cầm cự nhau. Trái lại ở Nga, Đức tấn công rất dữ dùng 4 phần 5 quân lực.

Sau khi chiếm được Rostov (24 — 7) quân Đức tràn ra chiếm cả miền hạ lưu sông Don: một đội quân tiến ngang về phía đông bắc để đánh phá Stalingrad sau khi qua được khuỷu sông Don. Ba đạo quân tiến xuống miền Nam để chiếm miền dầu hỏa Caucase: Một đạo đi ven bờ biển Azov theo neo bán đảo Taman và Novorossiisk, một đạo tiến tới Krasnodar thủ đô miền Kouban, còn một đạo thẳng tới Vorochilovsk để tràn vào miền dầu hỏa Maikop.

Trong 3 đạo quân tiến về miền Nam đạo thứ nhất tiến hơi chậm, còn 2 đạo kia đi rất nhanh phá vỡ luôn luôn sức kháng chiến của quân Nga. Đạo quân thứ 2 đã chiếm được Krasnodar (9-8). Đạo thứ 3 chiếm được Vorochilovsk, vượt qua sông Kouban, chiếm Armavir, một thị trấn trên đường xe lửa Bakou — Rostov và trên 2 ống dẫn dầu Bakou — Rostov và Bakou — Touapsé (qua Maikop) Theo tin cuối cùng Maikop (10-8) khu dầu hỏa quan trọng trong miền Kouban đã bị chiếm. Và quân Đức đã từ Vorochilovsk tiến về mạn bờ Caspienne để chiếm khu dầu hỏa Grosnyi.

Quân đội Nga bị cắt đứt làm đôi. Người ta lo cho số phận đội quân bị bao vây giữa giòng sông Kouban và bờ biển Hắc-hải.

Thống chế Đức Von Bock đã dồn hết lực lượng để tấn công miền dầu hỏa Caucase. Tình thế miền này khó lòng cứu vãn được. Thủ tướng Anh đã vội vã sang Moscou để hội-nghị với Nga, vì có tin Nga cầu hòa với Đức, nếu Đồng-minh không cứu. Nhưng xem chừng mặt trận thứ hai vẫn chỉ là câu chuyện bàn trên giấy, mà nếu có mở thì cũng chậm rồi!

Không quân Anh Mỹ có hoạt động dữ trên các miền kỹ nghệ Đức, chủ ý để chia bớt lực lượng của Đức ở mặt trận Nga, nhưng lối cứu đó hiệu quả cũng chẳng là bao!

Quân Đức còn phải tiến 1000 cây số nữa mới tới Bakou và 300 cây số nữa mới tới Grosnyi. Song trước khi chiếm thêm miền dầu hỏa, người ta có thể đoán là đại tướng Von Bock sẽ tấn công mãnh liệt vào các thị trấn Stalingrad và Astrakhan trên sông Volga để chặn con đường dầu hỏa cuối cùng sau khi đã chặn con đường chính: Bakou — Grosnyi — Armavir — Moscou. Như vậy quân đội Nga ở miền đông và miền bắc sẽ lâm ngay vào cảnh nguy khốn. Có tin Staline đã thân ra cầm quân ở Stalingrad.

Theo tin cuối cùng quân Đức đã qua khuỷu sông Don, và tiến cách Stalingrad có 80 cây số và cách Astrakhar có 180 cây số.

Ở Ấn-Độ.

Phong trào quốc gia ở Ấn-Độ càng ngày càng mạnh cùng với tinh thần nghiêm trọng của Đồng-minh.

Ngày 7 Aoút Quốc-hội Ấn đã yêu cầu Anh lập ngay một chính phủ Quốc-gia, chứ không đợi đến sau chiến tranh như Anh đã hứa, và đã chuẩn y bản chương trình bất hợp tác của Thánh Gandhi đề đòi nền độc lập

Người Anh đã phản động một cách cương quyết. Ty cảnh sát đã bắt giam thánh Gandhi, ông Nehru, bác sĩ Azad chủ tịch Quốc-hội cùng các yếu nhân khác trong Quốc-dân-đảng Ấn, chiếm giữ các hội quán của Quốc-dân-đảng và ra lệnh cấm tụ họp trên 5 người. Báo Đức nói: « Anh và Mỹ đã mở một mặt trận thứ ba ở Ấn, và trong mặt trận này Anh Mỹ chỉ có một đồng minh là đảng cộng-sản Ấn ».

Mặt trận Á-đông và Thái-bình-dương.

Ở Thái-bình-dương, hạm đội Nhật vừa thắng một trận lớn ở quần đảo Salomon (7-8) về phía đông đảo Nouvelle Guinée, 28 chiến hạm nặng của Anh, trong số đó có một thiết giáp hạm bị đánh đắm.

Phi cơ Nhật vẫn đánh phá Port Moresby và Townsville, uy hiếp Úc-châu rất dữ.

Ở Trung-hoa, quân của Tưởng-giới-Thạch vẫn bị thua nhiều trận ở Chiết-giang và Quảng-đông, cho dầu sức kháng chiến có tăng thêm,

Ở Đông-Dương.

. Hôm 9 Aoút, một số phi cơ Trung-hoa đã bay trên các miền Phả-lại, Quảng-yên, Hongay và Haiphong. Các phi cơ có ném bom xuống Haiphong, gây ít nhiều thiệt hại, và làm chết 44 người Nam, 3 người Pháp và bị thương 75 người.

Hôm 11 Aout, lại có báo động ở Bắc-kỳ: Phi-cơ lạ bay trên phía đông bắc miền biên giới Bắc-kỳ và có thả bom. Có người chết nhưng không biết là bao nhiêu.

Báo Thanh Nghị buồn rầu kính viếng những bạn đã không may thiệt mạng một cách oan uổng, chia buồn với các tang gia và kính chúc các bạn bị thương chóng lành mạnh.

Viết ngày 14 Aoút 1942

V. H.

đọc sách mới

Phan Mạnh
Danh *Bút hoa
thi thảo* Ng.
Trung Khác —
Ngô Tất Tố
*Văn-học đời
Trần I* Mai-
Lĩnh — Đoàn
Phù Từ *Ghen*
Nguyễn Du.

LÀNG nho Bắc-hà vừa mới thiết một danh-sĩ:
cụ Phan Mạnh Danh. Quyền *Bút-hoa thi thảo*
cụ cho xuất bản, trước khi mất, là một tác phẩm
viết rất công-phu, biểu-lộ hết cái cốt-cách phong-
nhã của một người dùng cả đời mình, cả trí thông
minh để thưởng-thức văn-chương. Cụ đã khéo
đem hai trăm chín mươi hai câu thơ chữ Hán,
trích trong hơn trăm bộ sách, ghép thành những
bài thơ tứ tuyệt hay thành hai câu thơ có nghĩa
gần giống với những đoạn Kiều nhỏ. Cụ lại
khéo tập các truyện nôm để dịch hai mươi bài
thơ cổ, nghĩa tuy không sát, nhưng tinh-thần câu
văn vẫn còn giữ được. Đọc xong quyền sách của
cụ người ta có cái cảm tưởng rằng cả quyền Kiều
của chúng ta có thể đem viết lại bằng thơ cổ chữ
Hán và bao nhiêu cái hay trong tác-phẩm của
Nguyễn Du đều rút ở nền văn-chương Trung-hoa.
Đó là một luận-đề mà với một chút khôn khéo,
một nhà văn lập-dị có thể xướng lên được bởi vì
phàm ai đã khảo-xét về truyện Kiều cũng đều
nhận thấy rằng nhiều hình ảnh hay trong văn
Kiều đều lấy ở các thi-ca cổ. Nhưng nói thế không
phải là làm giảm giá thiên-tài của Tiên-Điền. Với
gạch ngói có sẵn hai nhà kiến-trúc có thể xây
những tòa nhà xấu, đẹp khác nhau. Cái tinh hoa
của nền văn-chương Á-đông từ mấy nghìn năm có
lẽ vẫn là một nhưng phải là một thiên-tài mới
thâu thái hết được, đem chung đúc lại để diễn ra
tiếng Việt-nam.

Nhà Mai-lĩnh vẫn tiếp tục xuất bản những bộ
sách chuyên khảo về văn-học. Quyền *Văn-học đời
Trần* của ông Ngô Tất Tố tiếp theo quyền *Văn-học
đời Lý* thu góp các bài văn (phần nhiều là thơ)
của các văn gia một thời đại có nhiều chiến-công
oanh liệt trong lịch-sử. Những bài văn đó đều có
dịch ra quốc-văn. Ông N. T. T. lại dụng công dịch
những thi-ca chữ Hán ra thành thi-ca quốc-âm.
Đó là một sự cố gắng rất lớn nhưng vào một bộ
sách khảo cứu thì có lẽ không hợp vì dù thế nào
chăng nữa, khi còn phải gò vắn, ép điệu thì nghĩa
câu thơ cổ cũng không thoát hết được.

Đọc xong quyền V. H. Đ. T. ta nên nhận ra hai
điều. Điều thứ nhất là vì cái giấy thi cũ thừa đó

giàng buộc trí não người ta nên câu văn đời Trần
có vẻ phóng khoáng tự do. Lối văn thù-ứng rất
hiếm.

Điều thứ 2 là đạo Phật vẫn còn thịnh nên trong
thi văn đời Trần phảng-phất có một tinh yêu tạo-
vật nồng-nàn hơn các thế-kỷ sau này. Thơ của
các văn nhân đời Trần đều có khi-vị thơ Đường.

Kịch *Ghen* của ông Đoàn Phù Từ cách đây năm
năm đã co đem diễn trên nhà lợp lạt của thành-
phố Hà-nội, và rất được hoan-nghe. Phàm một
bản kịch không cốt viết ra để đọc mà để diễn cho
nên nhà bình-phẩm phải là một khan-giả. Tác-giả
mấy giòng này đã hưởng cái thú-vị vỗ tay khen
nhà kịch-sĩ có duyên của chúng ta. Nhưng đã năm
năm rồi!.. Vì thế những lời nói dưới đây chỉ là
một mớ cảm-tưởng mà khi đọc *Ghen* còn nhớ lại.

Cốt chuyện của *Ghen* rất đơn-dị: một anh chồng
ghen bóng, ghen gió với chị vợ đẹp và vì thế suýt
nữa thì mất vợ. Chỉ có thể thôi nhưng những lời
đối đáp mới nhanh-nhẹn làm sao, tự nhiên làm
sao! Tưởng chừng như những tia lửa vọt ra
không có một chỗ nào dài giòng, không có một
chỗ nào để cho ta thấy rằng tác giả nặn nờ cầu-kỳ.
Những đoạn triết lý xương, những lời than-vãn
dài giảng-dặc đều không thấy.

Tuy có nhiều người quả quyết rằng ông Đ. P. T.
phải theo kịch tây nhiều quá, nhưng ai đã từng
xem diễn *Ghen* cũng đều có cái cảm-giác rằng
bản kịch vẫn giữ được tinh cách Việt nam có
nhiều tâm-lý, nhiều câu nói hoàn toàn Việt nam.

Một đôi chỗ tác-giả cũng có gán cho nhân vật
của ông những tính tình hơi « tây » một chút, như
cái phút mê-loạn của Kim, cái phút « yếu ớt linh
hồn » mà một người đàn-bà sẵn lòng ngã vào lòng
một người đàn-ông. Nhưng buổi diễn kịch hôm đó,
cái chỗ « tây » đó đã được các tài-tử đóng trò làm
giảm đi. Nhất là, vai Kim do bà Quế đóng với mái
tóc uốn, với dáng điệu uyển chuyển làm cho ta
thấy mọi sự đều tự nhiên vô cùng. Cho hay người
đóng trò có thể làm tang nghệ-thuật của người
viết kịch.

L. H. V.

TUẦN BÁO ĐÀN BÀ

Là bạn thiết của tất cả các bạn gái.

Là món quà quý để các bậc cha mẹ cho con,
các ông chồng tặng bà vợ, các anh trai tặng
các em gái.

Tờ báo phụ nữ độc nhất ở Đông Dương hiện
thời, toàn do các bạn gái chủ trương.

Giá báo 1 năm: 6p.00, 6 th. 3p.00, 3 th. 1p 60.

Mandat mua báo gửi cho:

Mme THUY AN

Journal Đàn Bà

76, Wiélé Hanoi

Cuộc cải cách giáo-dục...

(Tiếp theo trang 4)

Kỷ-luật khắt-khe đó áp dụng cả với các giáo-sư ngạch đại học. Việc giáo-sư Langevin trường cao-đẳng Pháp quốc và giáo-sư Rivet ở viện bác vật học bị bãi dịch đủ chứng rõ ý định cương-quyết của chính-phủ về việc bảo vệ đời sống tinh-thần trong giáo giới.

Bộ giáo-dục có quyền kiểm sát những sách giáo-khoa. Nhà xuất bản nào mới ra một quyển sách có thể dùng ở bậc tiểu-học cũng phải gửi một cuốn đến nha học-chính. Ông Tổng-trưởng có thể cấm không được dùng quyển sách này hay quyển sách kia ở các trường tiểu-học và cao-đẳng tiểu-học.

Một cuộc cải cách lớn trong sự tổ chức các nền học là việc bãi chế-định « giáo dục duy nhất » (école unique).

Trước hồi 1937, ở Pháp vẫn có hai nền học căn bản biệt lập hẳn : nền tiểu-học gồm có nền sơ-học (sơ đẳng tiểu-học) và cao đẳng tiểu-học không mất tiền, cho đám quần chúng, thiên về thực dụng, — và nền trung-học (từ lớp 11 đến lớp 1), học phải trả tiền cho phải trung lưu, dạy một chương-trình « phổ-thông học thức » và đưa thanh niên lên các ngành đại-học.

Đến năm 1937, khi đảng xã-hội lên cầm quyền, bèn hợp thống 2 nền học đó lại làm một, dạy không lấy tiền, cốt để nhận học-trò ở mọi giai cấp, và rèn cấp thanh-niên theo một chương trình duy nhất. Giáo-dục vì vậy chia làm 3 bậc :

— nền học đệ nhất cấp (enseignement du 1er degré) dạy ở các trường sơ học và các lớp dưới ở các trường trung-học (từ lớp 11 đến lớp 7) và đưa học-trò tới kỳ thi bằng sơ đẳng tiểu học.

— nền học đệ nhị cấp (enseignement du 2e degré) từ lớp 6 đến lớp 1 ở các trường trung-học cho các học-trò đã có bằng sơ-đẳng tiểu học và đi tới kỳ thi bằng tú-tử ban trung học.

Ban cao-đẳng tiểu-học vẫn còn và chương-trình 3 năm học (thêm vào một năm dự bị) hòa hợp với chương-trình các lớp 6, 5, 4 và 3 ở các trường Trung-học. Học-trò có bằng cao-đẳng tiểu-học có thể vào học lớp 2 ở trường Trung-học và học-trò ở lớp 3 trường này có thể thi bằng cao-đẳng tiểu-học

— bậc đại-học cho các thanh-niên có bằng tú-tài ban Trung-học

« Giáo-dục duy nhất » là một chò giới trá (lời của T. c. Pétain). Bề ngoài hợp nhất, bề trong kỳ thực nó là một lối giáo-dục gây sự chia rẽ, và làm hao mòn sức mạnh của quốc gia » vì những lẽ sau đây :

— người nghèo vẫn chỉ có thể theo được bậc tiểu-học, không đủ tài lực để đi hết bậc học đệ nhị cấp, mà người giàu lại được hưởng lợi (học không mất tiền) trong suốt hai bậc học

— vì sự dung hòa 2 chương-trình, cái học ở nền tiểu học kém bề thực dụng mà cái học nhân bản ở nền trung-học cũng bị suy vi.

Giáo-dục từ nay, về việc tổ-chức các bậc học, lại trở về lối cũ, nghĩa là phân biệt hẳn hai nền học khác nhau : nền tiểu-học và nền trung-học.

Ở nền trung-học, từ nay học lại phải trả tiền như xưa. Tuy nhiên, người nghèo được chính-phủ cấp học bổng, và việc cấp học bổng sẽ thực hành rộng rãi ; như vậy còn có lợi cho người nghèo hơn chế-độ trước, và công bình hơn vì người giàu phải trả tiền học cho con em theo nền trung-học.

« Ta đây rất sợ sự giới trá, ta theo đuổi việc xây dựng một nền giáo-dục duy nhất chính thức : nền giáo-dục hướng dẫn theo một tinh-thần duy nhất, cho dầu người dạy có khác, cho dầu chương-trình có khác : nền giáo-dục nó sẽ đặt tất cả người Pháp người nào ở địa-vị người ấy để phụng sự Tổ-quốc. »

Theo ý Quốc-trưởng, giáo-dục sẽ duy nhất không ở trong sự tổ chức mà sẽ duy nhất về tinh-thần.

VŨ ĐÌNH HÒE

KỶ SAU :

Phần III — Các nền học đổi mới

VỎ - ĐỨC - DIÊN

ARCHITECTE D. P. G. L.

N° 3, Place Négrier — HANOI

TÉLÉPHONE : 77

ĐÃ CÓ BÁN KHẮP ĐÔNG-PHÁP :

LÀM TIỀN

Phóng sự của **TRỌNG - LANG**

Với ngòi bút phóng sự rất sâu sắc, vừa trào lộng, vừa răn dòi, **TRỌNG-LANG** đem ra ánh sáng đủ các mảnh khoe làm tiền của nhiều hạng người trong xã-hội.

Có kèm một trang tự tích của tác giả.

Giá : 1 \$ 20

KINH CẦU TỰ

của **HUY CẬN**

Bản thường : hết

Bản giấy **Vergé** giá : 4 \$ 50

Bản giấy **Dó Lụa** giá : 3 \$ 50

TIÊU NHIÊN MỊ CƠ

phóng tác của **VŨ NGỌC-PHAN**

theo « le roman de Tristan et Iseult »

câu chuyện tình hay nhất thế-giới

Sách giấy : 258 trang, giá : 1 \$ 25

ĐANG IN SẮP XONG :

QUÊ NGƯỜI

tiểu thuyết dài đầu tay

của : **TÔ - HOÀI**

Dưới bút tác giả, tất cả cái xã-hội lố
lĩnh, đáng thương ở nơi bờ tre đồng
lúa, được phác họa rất tinh tế, cận kề.

CHUYỆN VÔ LÝ

phiếm luận

của : **LĂNG - NHÂN**

Phùng Tất-Đắc, tác giả :

« **TRƯỚC ĐÈN** »

Có tựa của : Nguyễn-Giang

và

ĐẦY VƠI

tập thơ tuyệt tác của **Đái Đức-Tuấn** tức **Tchya**

« **ĐẦY VƠI** » là công trình của mười lăm năm trầm mặc.

« **ĐẦY VƠI** » sẽ hiến các bạn những phút mê-ly êm-ái trong gấm tụy
mỹ của văn-chương.

Ngày nay « **ĐẦY VƠI** » ra đời trong loại sách « **Nghệ - Thuật** » của
nhà xuất bản « **MỚI** ».

Cách ấn loát « **ĐẦY VƠI** » thật là đơn giản, song rất công phu và mỹ
thuật đề xứng đáng với giá trị của « **ĐẦY VƠI** ».

« **ĐẦY VƠI** » in ra chỉ có hạn : đúng 567 bản chia làm hai hạng :

1) Hạng đặc biệt : 15 bản, in trên giấy **Dó Vân** thượng hạng thủy ấn
« **Tâm như minh nguyệt** », giá mỗi bản 30 \$ 00 (đặt tiền trước : 25\$00)

2) Hạng phổ thông : 500 bản, in trên giấy **Dó Lụa** hạng tốt thủy ấn
« **Tâm như minh nguyệt** », giá mỗi bản 7 \$ 00 (đặt tiền trước : 5 \$ 00).

Còn 52 bản, không bán, để tặng thân bằng và các nhà báo.

Có in ra 1000 bản thông cáo trên g ấ y LỰA DÓ ĐỂ gửi tặng
các bạn muốn biết « **ĐẦY VƠI** ».

THƯ TỪ VÀ NGÂN PHIẾU XIN GỬI VỀ : **Ô. Lê Văn-Dự** GIÁM ĐỐC :

NHÀ XUẤT BẢN "MỚI"

Bắc - kỳ — 57, Phúc - Kiên — Hà - Nội

Tại nhà sách lớn **MINH ĐỨC**
97-99, Jules Piquet, Thái-Bình

CÓ MỘT CUỘC
TRIỂN LÃM SÁCH BẢO
văn chương mỹ thuật

Từ 30 Aoút 1942 đến 30 Sept. 1942

- Các sách quý đẹp của các văn hào Việt-Nam.
- Các bản thảo và báo chí xưa và nay.
- Các chân dung của các nhà xuất bản.
- Các tác phẩm và các ảnh của các nhà văn đã quá cố.
- Những sách của văn nhân, thi nhân, đóng thành từng pho một.
và có 2 cuộc thi giải trí rất vui, ai cũng dự được, ngót 40 giải thưởng bằng Sách Bảo giá trị do các nhà xuất bản, nhà báo, nhà sách Minh Đức tặng. Thẻ lệ cuộc thi niêm yết tại :
nhà sách MINH ĐỨC (Thái-Bình)

ĐÃ IN XONG, SẴP CÓ BẢN

Thăng Phụng

TIÊU - THUYẾT GIÁO - DỤC CỦA
NGUYỄN-ĐỨC-QUỲNH

Một thiên truyện dài tiếp vào cuốn « THĂNG CU SƠ » tả cận kê đời một đứa trẻ nhà quê, khoảng ba bốn mươi năm trước đây, đã sống ra sao, đã nghĩ ra sao, đã được dạy dỗ ra sao, khiến người đọc đều nhận thấy ít nhiều cái dĩ vãng của mình được tác-giả thuật lại rất tinh vi, đều cảm thấy ít nhiều cái thời thơ ấu của mình được tác-giả khéo làm sống lại rất linh-hoạt.

Hàn-Thuyên xuất bản cục
71, Phố Tiên - Tsin — HANOI

BÁO THANH - NGHỊ

(mỗi tháng ra 2 kỳ vào những ngày 1 và 16)

TRONG SỐ 1^{er} SEPTEMBRE 1942

Có những bài:

- | | |
|---|-----------------|
| — Quyền hành-chính và quyền lập-pháp. | PHAN ANH |
| — Một quan - niệm về dịch - thuật. | ĐÌNH GIA TRINH |
| — Hóa học thời cận đại. | NGUY NHƯ KONTUM |
| — Những nền học đời mới ở Pháp. | VŨ ĐÌNH HOÊ |
| — Chế độ luật pháp của xứ Ai-lao. | LÊ HUY VĂN |
| — Văn-chương trong hội họa. | TÔ NGỌC VĂN |
| — « Nhân-cách-hóa », một cách tạo nên hình ảnh. | VŨ BỘI LIÊU |
| — Xã-hội Việt-Nam từ thế-kỷ thứ 17. | NG. TRỌNG PHẤN |
| — Đào Nương. | NGUYỄN X. KHOÁT |
| — Cuộc chiến tranh ở Đại tây Dương. | V. H. |
| — Ta với tổ tiên ta. | DIỆU ANH |
| — Nhật dao, truyện dịch | LÊ HUY VĂN |
| — Đọc sách mới | L. H. V. |